**HỌC KỲ 2**

**CHỦ ĐỀ 5. LỊCH SỬ ĐỐI NGOẠI CỦA VIỆT NAM**

**THỜI CẬN – HIỆN ĐẠI**

**BÀI 12. HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI CỦA VIỆT NAM TRONG ĐẤU TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP DÂN TỘC (ĐẦU THẾ KỈ XX ĐẾN CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945)**

**Thời gian thực hiện: 01 tiết**

**Tuần 19 – Tiết 37**

**Ngày soạn: 18/1 Ngày dạy: 20/1**

## MỤC TIÊU

#### Về kiến thức

Nêu được những hoạt động đối ngoại chủ yếu của các cá nhân, các tổ chức cách mạng (từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945).

#### Về năng lực

* + - Năng lực chung:

+ Năng lực tự chủ và tự học: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập; tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.

+ Năng lực giao tiếp và hợp tác: hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập.

* + - Năng lực đặc thù:

+ Năng lực tìm hiểu lịch sử thông qua việc biết cách sưu tầm và khai thác tư liệu để tìm hiểu về những hoạt động đối ngoại chủ yếu của các cá nhân, các tổ chức cách mạng (từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945).

+ Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử thông qua việc nêu được những hoạt động đối ngoại chủ yếu của các cá nhân, các tổ chức cách mạng (từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945).

#### 3.Về phẩm chất

* + - Trung thực học tập, cầu thị, cầu tiến bộ, có mong muốn học tập, khám phá lịch sử.
    - Yêu nước và lòng tự hào về các bậc tiền bối đã có những đóng góp cho phong trào giải phóng dân tộc.

## THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

#### Giáo viên

* + - Bản đồ thế giới (có thể sử dụng quả địa cầu).
    - Tư liệu lịch sử (hình ảnh, văn bản) về hoạt động đối ngoại của các cá nhân, các tổ chức cách mạng từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945.
      * Phiếu học tập cho HS
      * Máy tính, máy chiếu,…

#### Học sinh

* + - SGK, SBT *Lịch sử 12* – Bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống.*
    - Một số tranh ảnh, tư liệu,… liên quan đến nội dung bài học, được sưu tầm theo yêu cầu của GV.

## TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

### HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG, MỞ ĐẦU BÀI HỌC

* 1. *Mục tiêu*

Tạo sự hứng thú, lôi cuốn, kích thích HS muốn khám phá về hoạt động đối ngoại chủ yếu của các cá nhân, các tổ chức cách mạng (từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945), đồng thời giúp GV có thể giới thiệu nội dung bài học một cách nhẹ nhàng, hấp dẫn, thu hút sự chú ý của HS.

* 1. *Tổ chức thực hiện*
* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV cho HS làm việc cá nhân, khai thác thông tin, quan sát Hình 1 trong phần Mở đầu và thực hiện yêu cầu: *Hãy chia sẻ một số hiểu biết của em về những hoạt động đối ngoại của Việt Nam giai đoạn từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945.*

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS khai thác thông tin, hình ảnh cũng như dựa vào hiểu biết của bản thân để thực hiện nhiệm vụ

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi 1 – 2 HS trình bày trước lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

Trên cơ sở câu trả lời của HS, GV chọn ý để dẫn dắt vào nội dung bài học.

### HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

#### Hoạt động 1: Tìm hiểu về hoạt động đối ngoại của Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh

* 1. *Mục tiêu*

Nêu được hoạt động đối ngoại của Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh trong những năm đầu thế kỉ XX.

* 1. *Tổ chức thực hiện*

\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức cho HS làm việc nhóm, chia lớp thành 4 nhóm để tìm hiểu hoạt động đối ngoại của Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh:

– Nhóm 1, 2: *Tìm hiểu về những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Phan Bội Châu.*

* Nhóm 3, 4: *Tìm hiểu về những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Phan Châu Trinh.*
* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Nhóm HS thực hiện nhiệm vụ theo trình tự như sau:

* Từng HS khai thác thông tin, hình ảnh trong SGK; ghi ra giấy những hoạt động đối ngoại của Phan Bội Châu hoặc Phan Châu Trinh.
* Sau đó, HS thảo luận với bạn trong nhóm để thống nhất nội dung trả lời.
* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi đại diện các nhóm HS trình bày phần làm việc của mình trước lớp. Các nhóm HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét phần làm việc và câu trả lời của các nhóm, chốt lại các nội dung chính:

* Hoạt động đối ngoại của Phan Bội Châu chủ yếu diễn ra ở Nhật Bản, Trung Quốc với mục đích tìm kiếm sự giúp đỡ từ bên ngoài để chống thực dân Pháp, giành độc lập dân tộc.

+ Đầu năm 1905, Phan Bội Châu sang Nhật Bản nhờ giúp đỡ cho công cuộc cứu nước; ông đưa 200 thanh niên Việt Nam sang học tập ở các trường tư thục khác nhau. Năm 1908, Phan Bội Châu tham gia thành lập các tổ chức có mục tiêu đoàn kết quốc tế để hợp sức chống đế quốc.

+ Năm 1911, Phan Bội Châu quyết định về hoạt động ở Trung Quốc và đầu năm 1912, Phan Bội Châu tham gia thành lập một số tổ chức, nhằm đánh đuổi thực dân Pháp, giành độc lập. Phan Bội Châu cử người liên lạc với một số tổ chức, đại diện nước ngoài như Công sứ Đức, Đại sứ quán Nga,… để tìm kiếm sự giúp đỡ cho phong trào đấu tranh chống Pháp Việt Nam.

* Hoạt động đối ngoại của Phan Chu Trinh diễn ra chủ yếu ở Pháp (ông sang Pháp từ năm 1911) với mục đích vận động cải cách cho Việt Nam.

+ Tiếp xúc với một số nhóm Việt kiều, tổ chức, đảng phái tiến bộ. Nhiều lần gửi kiến nghị đến Hội Nhân quyền Pháp, đến các thành viên của Chính phủ Pháp…, phê phán chính quyền thực dân, thức tỉnh dư luận Pháp về tình hình Việt Nam.

+ Với chủ trương “Khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh”, Phan Châu Trinh đã đi nhiều nơi với mục đích xem xét tình hình nhân dân, sĩ khí và tìm bạn đồng chí hướng.

Ở Nhật, ông tiếp xúc với nhiều nhà chính trị, sau đó sang Pháp, tiếp tục đấu tranh, lên tiếng tố cáo chế độ thuộc địa.

Ông nhiều lần gửi kiến nghị Hội Nhân quyền và Dân quyền Pháp, gửi kiến nghị cho An-be Xa-rô lúc đó sắp sang nhậm chức Toàn quyền Đông Dương,....

Phan Châu Trinh tìm cách liên hệ với những người trong Liên minh Nhân quyền và Đảng Xã hội Pháp, tiếp xúc với các nhóm Việt kiều và các đảng phái tiến bộ, tổ chức nhiều buổi diễn thuyết phê phán sự bất công của chính quyền thực dân, đánh động dư luận Pháp về tình hình ở Việt Nam.

+ Ông đã đóng vai trò quan trọng trong việc thành lập và hoạt động của một số tổ chức yêu nước Việt Nam tại Pháp, tham gia nhóm soạn thảo Bản yêu sách của nhân dân An Nam gửi tới Hội nghị Véc–xai.

#### Hoạt động 2: Tìm hiểu về hoạt động đối ngoại của Nguyễn Ái Quốc và Đảng Cộng sản Đông Dương

* 1. *Mục tiêu*

Nêu được các hoạt động đối ngoại chủ yếu của Nguyễn Ái Quốc và Đảng Cộng sản Đông Dương.

* 1. *Tổ chức thực hiện*

##### Mục a. Hoạt động đối ngoại của Nguyễn Ái Quốc

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức cho HS hoạt động cặp đôi, khai thác thông tin trong SGK để thực hiện nhiệm vụ: *Vẽ trục thời gian tóm tắt những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Nguyễn Ái Quốc từ năm 1911 đến năm 1930.*

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Cặp đôi HS thực hiện nhiệm vụ theo trình tự như sau:

* Từng HS khai thác thông tin, hình ảnh trong SGK và liên hệ với kiến thức lịch sử Việt Nam đã học, ghi ra giấy những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Nguyễn Ái Quốc từ năm 1911 đến năm 1930.
* Sau đó, HS thảo luận với bạn để thống nhất ý kiến và cách trình bày trên trục thời gian.
* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi đại diện 2 – 3 cặp đôi trình bày và giới thiệu trục thời gian trước lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

* Bước 4: Nhận xét, chốt kiến thức

GV nhận xét, đánh giá phần làm việc cặp đôi, chốt lại các nội dung chính: Hoạt động đối ngoại của Nguyễn Ái Quốc từ 1911 đến 1930.

* Trong những năm 1911 – 1922, Nguyễn Ái Quốc đã đi qua nhiều quốc gia khác nhau và có những hoạt động đối ngoại nổi bật tại Pháp:

+ Gặp gỡ, tiếp xúc với nhiều nhà hoạt động chính trị, văn hoá của Pháp và nhiều nước châu Âu.

+ Năm 1920, tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp.

+ Năm 1921, tham gia thành lập Hội Liên hiệp thuộc địa. Trên cương vị Trưởng ban Nghiên cứu về Đông Dương thuộc Đảng Cộng sản Pháp, Nguyễn Ái Quốc tích cực xây dựng mối quan hệ gắn bó giữa những người cộng sản với nhân dân lao động Pháp và nhân dân các nước thuộc địa.

* Trong những năm 1923 – 1930, hoạt động đối ngoại của Nguyễn Ái Quốc diễn ra chủ yếu ở Liên Xô và Trung Quốc:

+ Tháng 6 – 1923, Nguyễn Ái Quốc đến Liên Xô, tích cực tham gia các hội nghị, đại hội của Quốc tế Cộng sản. Tại những diễn đàn này, Nguyễn Ái Quốc trình bày quan điểm về vai trò của cách mạng thuộc địa, về lực lượng cách mạng ở thuộc địa, về quan hệ giữa cách mạng ở chính quốc với thuộc địa,... Bằng những hoạt động này, Nguyễn Ái Quốc chính thức xác lập mối quan hệ giữa cách mạng Việt Nam với Quốc tế Cộng sản và cách mạng thế giới.

+ Từ cuối năm 1924, Nguyễn Ái Quốc đến Quảng Châu (Trung Quốc), liên lạc với lực lượng cách mạng ở Đông Nam Á và Trung Quốc, mở các lớp huấn luyện chính trị cho thanh niên yêu nước Việt Nam. Trong các bài giảng, Nguyễn Ái Quốc nhấn mạnh sự cần thiết phải đoàn kết và tập hợp lực lượng quốc tế.

##### Mục b. Hoạt động đối ngoại của Đảng Cộng sản Đông Dương

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân, khai thác thông tin, hình ảnh và tư liệu trong mục, thảo luận để thực hiện yêu cầu: *Hãy nêu những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Đảng Cộng sản Đông Dương từ năm 1930 đến năm 1945*.

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS khai thác thông tin, hình ảnh trong SGK; ghi ra giấy những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Đảng Cộng sản Đông Dương từ năm 1930 đến năm 1945.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi 2 – 3 HS để trả lời trước lớp . Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét, chốt lại các nội dung chính: Hoạt động đối ngoại của Đảng Cộng sản Đông Dương (1930 – 1945): Trong những năm 1930 – 1945, hoạt động đối ngoại của Đảng Cộng sản Đông Dương chủ yếu phục vụ cho cuộc đấu tranh chống thực dân, phát xít, tiến tới giành độc lập, tự do, góp phần bảo vệ hoà bình:

* Là một phân bộ của Quốc tế Cộng sản, Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo, tổ chức nhiều hoạt động ủng hộ Liên Xô; phối hợp với các tổ chức của người Pháp, người Hoa ở Đông Dương tiến hành quyên góp giúp đỡ các nạn nhân chiến tranh ở Trung Quốc.
* Đảng Cộng sản Đông Dương tích cực củng cố quan hệ với Đảng Cộng sản Trung Quốc, thành lập Tiểu ban vận động Hoa Kiều, giúp đỡ người Hoa tổ chức hội cứu quốc.
* Nhằm mở rộng quan hệ với lực lượng chống quân phiệt Nhật Bản ở Đông Nam Á, Đảng Cộng sản Đông Dương liên lạc với phong trào dân tộc chống quân phiệt Nhật Bản ở một số nước như: Miến Điện, Mã Lai, Phi-líp-pin, Thái Lan, In-đô-nê-xi-a,...
* Thông qua Mặt trận Việt Minh, hoạt động đối ngoại của Đảng Cộng sản Đông Dương thể hiện rõ chủ trương đứng về phía lực lượng Đồng minh trong cuộc chiến chống quân phiệt Nhật Bản, đồng thời, tranh thủ sự ủng hộ quốc tế cho cách mạng Việt Nam.

### HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

* 1. *Mục tiêu*

Nhiệm vụ này giúp HS củng cố, hệ thống hoá lại những kiến thức, nội dung đã được tìm hiểu trong bài học.

* 1. *Tổ chức thực hiện*

GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân ở nhà để thực hiện nhiệm vụ: *Hoàn thành bảng hệ thống (theo gợi ý dưới đây vào vở) về những hoạt động đối ngoại chủ yếu của cá nhân, tổ chức cách mạng từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Cá nhân/tổ chức** | **Hoạt động chủ yếu** |
| Phan Bội Châu | ? |
| Phan Châu Trinh | ? |
| Nguyễn Ái Quốc | ? |
| Đảng Cộng sản Đông Dương | ? |

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS dựa vào kiến thức đã được học để hoàn thành bảng thống kê.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận
* Nhóm HS sẽ nộp lại bài vào đúng thời gian theo yêu cầu GV.
* GV có thể tổ chức cho HS tự đánh giá lẫn nhau theo tiêu chí dưới đây.

BẢNG KIỂM TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ ĐÁNH GIÁ LẪN NHAU VỀ BẢNG THỐNG KÊ

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Đánh giá (*Có* hoặc *Không*)** |
| 1 | Hình thức bảng sạch sẽ, đúng nội dung. |  |
| 2 | Đúng, đủ tên các tổ chức, cá nhân. |  |
| 3 | Nội dung trình bày đúng, đầy đủ về những hoạt động đối ngoại chủ yếu của cá nhân, tổ chức cách mạng từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945. |  |

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét, chuẩn kiến thức cho HS như nội dung trong SGK.

### HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

* 1. *Mục tiêu*
* Phát triển kĩ năng thu thập các nguồn tư liệu đáng tin cậy từ sách, báo và internet, đảm bảo rằng các nguồn đang sử dụng là từ các nhà xuất bản, tác giả có uy tín và liên quan trực tiếp đến chủ đề nghiên cứu.
* Phát triển kĩ năng tư duy phản biện qua việc xây dựng các lập luận mạch lạc, sử dụng bằng chứng một cách hiệu quả cho các phân tích của mình.
* Phát triển khả năng viết bài có cấu trúc rõ ràng, mạch lạc, hợp lí với mở bài, thân bài, kết luận.
  1. *Tổ chức thực hiện*
* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức cho HS hoạt động cá nhân ở nhà để thực hiện nhiệm vụ: *Sưu tầm tư liệu từ sách, báo và internet, hãy viết bài giới thiệu về một số hoạt động đối ngoại chủ yếu mà Nguyễn Ái Quốc đã thực hiện từ năm 1911 đến năm 1945 và ý nghĩa của những hoạt động đó.*

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà, dựa vào kiến thức đã được học và tìm hiểu thêm thông tin trên sách, báo hoặc internet để viết bài giới thiệu.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

HS sẽ báo cáo kết quả hoặc nộp lại bài viết cho GV vào thời gian mà GV quy định.

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

*Gợi ý:*

* Giới thiệu vài nét về Nguyễn Ái Quốc và hành trình hoạt động cách mạng từ năm 1911 đến năm 1930.
* Kể một số hoạt động đối ngoại tiêu biểu: Diễn ra tại đâu? Mục đích?
* Ý nghĩa của những hoạt động đối ngoại đó.
* Em rút ra được điều gì? …

**BÀI 13. HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI CỦA VIỆT NAM**

# TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP (1945–1954) VÀ KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ (1954 – 1975)

**Thời gian thực hiện: 02 tiết**

**Tuần 20, 21 – Tiết 38, 39**

**Ngày soạn: 3/2 Ngày dạy: 4/2**

## MỤC TIÊU

#### Về kiến thức

* + - Nêu được những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954).
    - Nêu được những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ (1954 – 1975).

#### Về năng lực

* + - Năng lực chung:

+ Năng lực tự chủ và tự học: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập; tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.

+ Năng lực giao tiếp và hợp tác: hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập.

+ Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết chúng.

* + - Năng lực đặc thù:

+ Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử thông qua việc nêu được những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954) và kháng chiến chống Mỹ (1954 – 1975).

+ Năng lực vận dụng kĩ năng, kiến thức đã học để lí giải một số vấn đề thuộc về hoặc liên quan đến các hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954) và kháng chiến chống Mỹ (1954 – 1975).

#### Về phẩm chất

* Trung thực học tập, cầu thị, cầu tiến bộ, có mong muốn học tập, khám phá lịch sử.
* Yêu nước: Lòng yêu nước và lòng tự hào về các bậc tiền bối đã có những đóng góp cho hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954) và kháng chiến chống Mỹ (1954 – 1975).

## THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

#### Giáo viên

* + Tư liệu lịch sử (hình ảnh, văn bản) về các hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954) và kháng chiến chống Mỹ (1954 – 1975).
  + Phiếu học tập, trong đó có thể nêu các câu hỏi hoặc các gợi ý thuộc về hoặc liên quan đến các hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954) và kháng chiến chống Mỹ (1954 – 1975).
  + Máy tính, máy chiếu,…

#### Học sinh

* + SGK, SBT *Lịch sử 12* – Bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống.*
  + Một số tranh ảnh, tư liệu liên quan đến nội dung bài học, được sưu tầm theo yêu cầu của GV.

## TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

### HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG, MỞ ĐẦU BÀI HỌC

* 1. *Mục tiêu*

Tạo sự hứng thú, lôi cuốn, kích thích HS muốn khám phá về hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954) và kháng chiến chống Mỹ (1954 – 1975), đồng thời giúp GV có thể giới thiệu nội dung bài học một cách nhẹ nhàng, hấp dẫn, thu hút sự chú ý của HS.

* 1. *Tổ chức thực hiện*
* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức cho HS hoạt động cá nhân, đọc thông tin, quan sát Hình 1 trong SGK và trả lời câu hỏi: *Em biết những hoạt động đối ngoại nào của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà trong kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954) và kháng chiến chống Mỹ (1954 –1975)?*

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS quan sát hình ảnh, thông tin và dựa vào hiểu biết của bản thân để trả lời câu hỏi.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

GV gọi 2 – 3 HS trình bày câu trả lời trước lớp.

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

Dựa vào câu trả lời của HS, GV chọn ý để dẫn dắt vào nội dung bài học mới.

### HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

#### Hoạt động 1: Tìm hiểu về hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954)

* 1. *Mục tiêu*

Nêu được những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954).

* 1. *Tổ chức thực hiện*
* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức HS hoạt động nhóm, chia lớp thành 3 nhóm, khai thác thông tin, hình ảnh trong SGK để thực hiện nhiệm vụ: *Nêu hoạt động đối ngoại chủ yếu của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà trong kháng chiến chống Pháp và ý nghĩa của các hoạt động đó.*

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Nhóm HS thực hiện nhiệm vụ theo trình tự như sau:

* Từng HS khai thác thông tin, hình ảnh trong SGK, ghi ra giấy những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà trong kháng chiến chống Pháp.
* Sau đó, từng nhóm thảo luận với nhau để thống nhất: những hoạt động đối ngoại chủ yếu và ý nghĩa của những hoạt động đó.
* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi đại diện 2 – 3 nhóm trình bày kết quả làm việc của nhóm mình. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét nhận xét và chốt lại các hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954):

* Chính phủ Việt Nam đã gửi thư, công hàm đề nghị Đại hội đồng Liên hợp quốc và các nước lớn công nhận Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.
* Với Trung Hoa Dân quốc, với Pháp, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà thực hiện sách lược hoà hoãn để tranh thủ thời gian củng cố chính quyền cách mạng; đồng thời, luôn thể hiện thiện chí hoà bình với Chính phủ Pháp và nhân dân Pháp.
* Việt Nam nỗ lực mở các cơ quan đại diện ngoại giao, các cơ quan thông tin ở một số nước trên thế giới.
* Năm 1950, Việt Nam Dân chủ Cộng hoà thiết lập quan hệ ngoại giao với Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác.
* Năm 1951, Liên minh nhân dân Việt – Miên – Lào được thành lập trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng và tôn trọng chủ quyền của nhau.
* Nhằm tranh thủ sự ủng hộ quốc tế, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà gặp gỡ đại diện nhiều tổ chức quốc tế, thành lập các hội hữu nghị và Uỷ ban Bảo vệ hoà bình thế giới.
* Năm 1954, tham gia Hội nghị quốc tế về Đông Dương được tổ chức ở Giơ-ne-vơ, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã kiên trì đấu tranh bảo vệ các lợi ích chính đáng của ba nước Đông Dương.

\* Bước 5: Mở rộng

GV có thể đặt câu hỏi mở rộng: *Em hãy giải thích tại sao các hoạt động đối ngoại của Việt Nam lại có vai trò quan trọng đối với việc đưa cuộc kháng chiến chống Pháp đi đến thắng lợi cuối cùng?* (*Gợi ý:* Hoạt động đối ngoại của Việt Nam nhằm thêm bạn, bớt thù, tranh thủ sự ủng hộ quốc tế cho cuộc kháng chiến; góp phần cô lập kẻ thù của nhân dân Việt Nam; nâng cao vị thế Việt Nam trên trường quốc tế, tuyên truyền về tính chính nghĩa của cuộc kháng chiến…).

#### Hoạt động 2: Tìm hiểu về hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ (1954 – 1975)

* 1. *Mục tiêu*

Nêu được các hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ (1954 – 1975).

* 1. *Tổ chức thực hiện*
* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức cho HS hoạt động cá nhân, khai thác thông tin trong SGK để thực hiện nhiệm vụ: *Nêu những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà trong kháng chiến chống Mỹ (1954 – 1975).*

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS khai thác thông tin, hình ảnh trong SGK, lắng nghe thông tin mà GV cung cấp để thực hiện nhiệm vụ.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi 2 – 3 HS trình bày trước lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét và chốt lại các nội dung chính về hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ (1954 – 1975):

* Hoạt động đối ngoại của Việt Nam Dân chủ Cộng hoà tập trung đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ thông qua việc phối hợp với các tổ chức quốc tế.
* Việt Nam Dân chủ Cộng hoà củng cố, tăng cường quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa, nhất là với Liên Xô, Trung Quốc, vận động các nước xã hội chủ nghĩa ủng hộ cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam.
* Việt Nam Dân chủ Cộng hoà thiết lập quan hệ ngoại giao với Lào, xây dựng quan hệ láng giềng hữu nghị với Cam-pu-chia; đồng thời, phát triển mối quan hệ liên minh chiến đấu chống các lực lượng yêu nước, kháng chiến của Lào, Cam-pu-chia.
* Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ủng hộ cuộc đấu tranh đòi độc lập của nhân dân các nước Á, Phi, Mỹ La-tinh.
* Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà tích cực lên án cuộc chiến tranh phi nghĩa mà Mỹ tiến hành ở miền Nam Việt Nam, tranh thủ sự ủng hộ của nhân dân tiến bộ trên thế giới đối với cuộc kháng chiến.
* Việt Nam Dân chủ Cộng hoà thực hiện sách lược “vừa đánh, vừa đàm”, nỗ lực thúc đẩy Hội nghị Pa-ri. Ngày 27 – 1 – 1973, Hiệp định Pa-ri được kí kết và Mỹ cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ Việt Nam.

\* Bước 5: Mở rộng

GV có thể linh hoạt đặt câu hỏi mở rộng xen kẽ khi tổ chức dạy học các nội dung chính:

*+ Em hãy trình bày và phân tích các hoạt động đối ngoại của Nhà nước Việt Nam trên bàn đàm phán tại Hội nghị Pa-ri và sau khi Hiệp định Pa-ri được kí kết* (*Gợi ý:* Với chủ trương linh hoạt trong sách lược, Nhà nước Việt Nam lần lượt đưa các phương án từ cao tới thấp để tập trung giải quyết những vấn đề mấu chốt. Ngày 27 – 1 – 1973, Hiệp định Pa-ri được kí kết và Việt Nam đã đạt được các mục tiêu quan trọng nhất. Trong quá trình thực hiện Hiệp định, Nhà nước Việt Nam phê phán các hành động phá hoại Hiệp định của chính quyền Sài Gòn, đòi Hoa Kì chấm dứt viện trợ quân sự cho Việt Nam Cộng hoà, từng bước chuẩn bị cho cuộc Tổng tiến công mùa Xuân 1975).

+ *Hãy so sánh về kết quả của Hội nghị Giơ-ne-vơ với Hội nghị Pa-ri* (*Gợi ý:* Hội nghị Giơ-ne-vơ và Hội nghị Pa-ri đều có mục tiêu giải quyết các xung đột ở Đông Dương và Việt Nam. Với Hội nghị Giơ-ne-vơ, Chính phủ Pháp đã thừa nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, thừa nhận quân đội Pháp sẽ rút khỏi Việt Nam,... Cuộc cách mạng giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam mặc dù chưa kết thúc nhưng miền Bắc được giải phóng làm hậu phương vững chắc cho sự nghiệp giải phóng miền Nam sau này. Với Hội nghị Pa-ri, Mỹ và các nước cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam. Mỹ rút hết quân khỏi miền Nam Việt Nam, cam kết không tiếp tục dính líu quân sự hoặc can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam. Việc Mỹ rút hết quân đã tạo điều kiện hết sức thuận lợi cho công cuộc thống nhất đất nước của Việt Nam. Như vậy, kết quả Hội nghị Pa-ri đạt được triệt để hơn).

+ *Nguyên nhân chính dẫn đến sự thành công của các hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ là gì?* (*Gợi ý:* luôn gắn với tính chính nghĩa cuộc kháng chiến, gắn với cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc và quyền tự quyết, có phương pháp tiến hành đúng đắn,…).

+ *Em hãy phân tích một số đặc điểm trong hoạt động đối ngoại của Việt Nam thời kì này* (*Gợi ý:* Hoạt động đối ngoại được kết hợp chặt chẽ với mặt trận chính trị, quân sự; giương cao ngọn cờ độc lập tự chủ trong hoạt động đối ngoại; phối hợp chặt chẽ các mũi hoạt động đối ngoại khác nhau…).

### HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

* 1. *Mục tiêu*

Nhiệm vụ này giúp HS củng cố, khái quát hoá kiến thức được lĩnh hội ở bài học trong một bảng hệ thống.

* 1. *Tổ chức thực hiện*

GV có thể tổ chức cho HS làm việc cá nhân ở nhà để thực hiện nhiệm vụ: *Lập bảng thống kê (theo gợi ý dưới đây vào vở) về một số hoạt động đối ngoại chủ yếu của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà trong kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954) và chống Mỹ (1954 – 1975).*

|  |  |
| --- | --- |
| **Giai đoạn** | **Hoạt động đối ngoại chủ yếu** |
| Kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954) |  |
| Kháng chiến chống Mỹ (1954 – 1975) |  |

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS dựa vào kiến thức đã học để hoàn thành bảng thống kê theo gợi ý.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận
* HS nộp lại sản phẩm cho GV vào buổi học sau.
* GV gọi 1 – 2 HS trình bày trước lớp.
* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét phần làm việc ở nhà của HS.

### HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

* 1. *Mục tiêu*

HS biết vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để làm rõ những bài học rút ra từ hoạt động đối ngoại của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà trong cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ (1945 – 1975); từ đó, góp phần phát triển năng lực vận dụng kiến thức đã học để giải thích một vấn đề lịch sử.

* 1. *Tổ chức thực hiện*
* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân ở nhà để thực hiện nhiệm vụ: *Sưu tầm tư liệu từ sách, báo, internet về những bài học rút ra từ hoạt động đối ngoại của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà trong cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ (1945 – 1975). Theo em, bài học nào có thể vận dụng vào hoạt động đối ngoại của Việt Nam hiện nay?*

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà, dựa vào kiến thức đã được học và tìm hiểu thêm thông tin trên sách, báo hoặc internet để viết bài giới thiệu, trong đó có nêu được bài học có thể vận dụng vào hoạt động đối ngoại của Việt Nam hiện nay.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

HS sẽ báo cáo kết quả hoặc nộp lại bài viết cho GV vào thời gian mà GV quy định.

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

*Gợi ý:*

* Nêu một số hoạt động đối ngoại tiêu biểu (nội dung chính, mục đích, ý nghĩa).
* Khái quát được một số bài học kinh nghiệm như:

+ Nhận thức, đánh giá đúng về tình hình thế giới và về quan hệ quốc tế để triển khai các hoạt động đối ngoại phù hợp.

+ Làm cho mình có nhiều bạn bè và ít kẻ thù hơn bao giờ hết.

+ Kết hợp nhuần nhuyễn giữa nhiều hướng đối ngoại khác nhau, nhằm tạo ra sức mạnh tổng hợp.

+ Cứng rắn về nguyên tắc, mềm dẻo về sách lược.

+ Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

+ Đặt lợi ích quốc gia dân tộc lên hàng đầu.

– Các bài học kinh nghiệm nêu trên đều có thể vận dụng vào hoạt động đối ngoại ở thời kì hiện tại, song bài học về kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại và đặt lợi ích quốc gia dân tộc lên hàng đầu là hai bài học tổng quát nhất, bao trùm nhất, có ý nghĩa nhất khi vận dụng vào hoạt động đối ngoại ngày nay.

**BÀI 14. HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI CỦA VIỆT NAM TỪ NĂM 1975 ĐẾN NAY**

**Thời gian thực hiện: 02 tiết**

**Tuần 22, 23 – Tiết 40, 41**

**Ngày soạn: 16/2 Ngày dạy: 18/2**

## MỤC TIÊU

#### Về kiến thức

* + - Nêu được những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong giai đoạn 1975

– 1985.

* + - Nêu được những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong giai đoạn từ năm 1986 đến nay.

#### Về năng lực

* + - Năng lực chung:

+ Năng lực tự chủ và tự học: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập; tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.

+ Năng lực giao tiếp và hợp tác: hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập.

+ Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết chúng.

* + - Năng lực đặc thù:

+ Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử thông qua việc nêu được những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam từ 1975 đến nay.

+ Năng lực vận dụng kiến thức đã học để lí giải về yêu cầu, cơ sở, sự phát triển của các hoạt động đối ngoại mà Việt Nam tiến hành từ năm 1975 đến nay; từ đó có những việc làm góp phần vào việc xây dựng hình ảnh đẹp, thân thiện của đất nước Việt Nam trong cộng đồng quốc tế.

#### Về phẩm chất

* + - Trung thực: học tập, cầu thị, cầu tiến bộ.
    - Trách nhiệm: Có khát khao tìm hiểu, nghiên cứu lịch sử, nhất là lịch sử các hoạt động đối ngoại của Việt Nam từ năm 1975 đến nay.
    - Yêu nước: Tự hào về truyền thống ngoại giao của cha ông trong lịch sử, từ đó hình thành ý thức quảng bá hình ảnh đất nước ra khu vực, thế giới.

## THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

#### Giáo viên

* + - Bản đồ thế giới (có thể sử dụng quả địa cầu).
    - Tư liệu lịch sử (hình ảnh, văn bản) về các hoạt động đối ngoại của Việt Nam từ năm 1975 đến nay.
    - Phiếu học tập trong đó có thể nêu các câu hỏi hoặc các gợi ý thuộc về hoặc liên quan đến các hoạt động đối ngoại của Việt Nam từ năm 1975 đến nay.
    - Máy tính, máy chiếu…

#### Học sinh

* + - SGK, SBT *Lịch sử 12* – Bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống.*
    - Một số tranh ảnh, tư liệu,… liên quan đến nội dung bài học, được sưu tầm theo yêu cầu của GV.

## TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

### HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG, MỞ ĐẦU BÀI HỌC

* 1. *Mục tiêu*

Tạo sự hứng thú, lôi cuốn, kích thích HS muốn khám phá về hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong giai đoạn 1975 – 1985 và từ năm 1986 đến nay, đồng thời giúp GV có thể giới thiệu nội dung bài học một cách nhẹ nhàng, hấp dẫn, thu hút sự chú ý của HS.

* 1. *Tổ chức thực hiện*
* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

– GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân, quan sát Hình 1 và đọc thông tin trong SGK để trả lời câu hỏi: *Em biết những hoạt động đối ngoại chủ yếu nào của Việt Nam từ năm 1975 đến nay?*

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS khai thác thông tin, hình ảnh trong SGK, lắng nghe thông tin mà GV cung cấp, cũng như dựa vào hiểu biết của bản thân để trả lời câu hỏi.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi 2 – 3 HS trả lời câu hỏi. Các HS khác bổ sung (nếu có).

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

Trên cơ sở câu trả lời của HS, GV chọn ý để dẫn dắt vào nội dung bài học mới.

### HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

#### Hoạt động 1: Tìm hiểu về hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong giai đoạn 1975 – 1985

* 1. *Mục tiêu*

Nêu được những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong giai đoạn 1975 – 1985.

* 1. *Tổ chức thực hiện*
* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức cho cho HS làm việc cặp đôi, khai thác thông tin, hình ảnh trong mục để thực hiện nhiệm vụ: *Nêu những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong giai đoạn 1975 – 1985.*

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Cặp đôi HS thực hiện nhiệm vụ theo trình tự như sau:

* Từng HS khai thác thông tin, hình ảnh trong SGK, ghi ra giấy những hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong giai đoạn 1975 – 1985.
* Sau đó, HS thảo luận với bạn để thống nhất ý kiến.
* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi đại diện 1– 2 HS cặp đôi trình bày trước lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung.

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét phần làm việc của HS, chốt lại các nội dung chính về hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong giai đoạn 1975 – 1985**:**

* Hợp tác toàn diện với các nước xã hội chủ nghĩa, nhất là trên lĩnh vực kinh tế; coi trọng quan hệ hợp tác chặt chẽ với Liên Xô; đàm phán với Trung Quốc để giải quyết các xung đột về biên giới, lãnh thổ, lãnh hải. Đặc biệt, Việt Nam coi quan hệ hợp tác chặt chẽ với Liên Xô “là nguyên tắc, là chiến lược” trong hoạt động đối ngoại, tranh thủ được sự ủng hộ, giúp đỡ to lớn, có hiệu quả của Liên Xô trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
* Thúc đẩy quan hệ với các nước Đông Nam Á, sẵn sàng thiết lập quan hệ hợp tác, cùng tồn tại hoà bình và phát triển với các nước thành viên ASEAN; phát triển quan hệ hữu nghị, tình đoàn kết chiến đấu và hợp tác với Lào, Cam-pu-chia.
* Việt Nam tích cực thiết lập quan hệ với nhiều tổ chức quốc tế, với nhiều nước trên thế giới và trong khu vực:

+ Việt Nam tích cực đấu tranh chống chính sách cấm vận của Mỹ, hợp tác giải quyết các vấn đề nhân đạo...; góp phần đẩy mạnh quan hệ với các nước tư bản, gia nhập các tổ chức quốc tế,...

+ Tham gia các hoạt động góp phần phát huy vai trò tích cực của Phong trào Không liên kết trong cuộc đấu tranh bảo vệ hoà bình.

* Bước 5: Mở rộng
  + GV có thể đưa ra câu hỏi mở rộng: *Phân tích ý nghĩa các hoạt động đối ngoại mà Việt Nam tiến hành trong giai đoạn 1975 – 1985 đối với công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc* (Gợi ý: Các hoạt động đối ngoại này làm giảm căng thẳng, thúc đẩy hợp tác và mở ra cơ hội cho Việt Nam tham gia các hoạt động kinh tế và chính trị trong khu vực; tạo điều kiện để Việt Nam xây dựng mối quan hệ tích cực với các nước láng giềng và các tổ chức khu vực; góp phần cho sự ổn định và phát triển của Việt Nam và của khu vực,…).

#### Hoạt động 2: Tìm hiểu về hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong thời kì Đổi mới (từ năm 1986 đến nay)

* 1. *Mục tiêu*

Nêu được các hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong thời kì Đổi mới (từ năm 1986 đến nay).

* 1. *Tổ chức thực hiện*
* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức cho HS làm việc cặp đôi, khai thác thông tin, hình ảnh và tư liệu trong mục, thảo luận để thực hiện yêu cầu: *Hãy nêu các hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam từ năm 1986 đến nay.*

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Cặp đôi HS thực hiện nhiệm vụ theo trình tự như sau:

Từng HS khai thác thông tin, hình ảnh trong SGK; ghi ra giấy các hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam từ năm 1986 đến nay.

* + Sau đó, HS thảo luận với bạn để thống nhất ý kiến.
* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi đại diện 2 – 3 cặp đôi trình bày. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét hoạt động của HS và chốt lại các nội dung chính về hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong thời kì Đổi mới từ năm 1986 đến nay:

* + Việt Nam nỗ lực phá thế bao vây cấm vận, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng; trong đó trọng tâm là giải quyết vấn đề Cam-pu-chia, sau đó bình thường hoá quan hệ với Trung Quốc, với Mỹ và gia nhập ASEAN.
  + Củng cố quan hệ với các đối tác truyền thống, mở rộng quan hệ đối ngoại với các đối tác khác; theo đó, quan hệ với phần lớn các nước trên thế giới đã từng bước được cải thiện và mở rộng; đồng thời, nâng tầm lên quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với một số nước.
  + Việt Nam tích cực, chủ động hội nhập khu vực và thế giới, trở thành thành viên có trách nhiệm của nhiều tổ chức quốc tế; triển khai hoạt động đối ngoại tại các tổ chức, diễn đàn, hội nghị đa phương với đối tác trọng tâm có tầm ảnh hưởng.
  + Triển khai các hoạt động đối ngoại bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ, lãnh hải, biển đảo của Tổ quốc thông qua việc tham gia đàm phán và kí kết các thoả thuận, các hiệp định về phân định biên giới trên bộ, trên biển.
  + Việt Nam tích cực hợp tác nhằm bảo vệ môi trường, giao lưu văn hoá và hỗ trợ nhân đạo, cam kết tham gia giải quyết các vấn đề toàn cầu, thúc đẩy gắn kết với các nước trong khu vực và trên thế giới thông qua giao lưu văn hoá.

Các hoạt động đối ngoại của Việt Nam được triển khai nhằm phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế và nâng cao vị thế trên trường quốc tế.

* Bước 5: Mở rộng
  + GV có thể đưa ra câu hỏi mở rộng: *Theo em, nguyên nhân dẫn đến sự thành công trong hoạt động đối ngoại của Việt Nam thời kì Đổi mới là gì?* (*Gợi ý:* Đổi mới tư duy đối ngoại, đưa ra chủ trương, chính sách đối ngoại phù hợp với những diễn biến của tình hình quốc tế; xác định đúng các yêu cầu đặt ra đối với sự nghiệp xây dựng đất nước; từ đó, có những điều chỉnh, bổ sung kịp thời đường lối đối ngoại; không ngừng nâng cao thực lực đất nước; linh hoạt trong tổ chức thực hiện các hoạt động đối ngoại).

### HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

* 1. *Mục tiêu*

Nhiệm vụ này giúp HS củng cố, khái quát hoá kiến thức đã lĩnh hội ở bài học trong một bảng hệ thống; phát triển năng lực tư duy khi phân tích, tổng hợp kiến thức lịch sử, từ đó, có khả năng lựa chọn, đưa ra các dẫn chứng phù hợp với nhận định.

* 1. *Tổ chức thực hiện*
* Chuyển giao nhiệm vụ:

***Câu 1.*** *Lập bảng hệ thống về một số hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam từ năm 1975 đến năm 1985.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động đối ngoại chủ yếu** | **Những nét chính** |
| Với các nước xã hội chủ nghĩa | ? |
| Với các nước Đông Nam Á | ? |
| Với các tổ chức quốc tế và các nước khác | ? |

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ
  + GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân ở nhà và thực hiện nhiệm vụ: *Lập bảng hệ thống về một số hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam từ năm 1975 đến năm 1985.*
* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS dựa vào kiến thức đã học để hoàn thành bảng thống kê theo gợi ý.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận
  + HS nộp lại sản phẩm cho GV vào buổi học sau.
  + GV gọi 1 – 2 HS trình bày trước lớp.
* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét phần làm việc ở nhà của HS và chốt lại kiến thức chính cho HS ghi nhớ. ***Câu 2.*** *Tìm những dẫn chứng về hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong giai đoạn từ năm 1986 đến nay để làm rõ nhận định: Hoạt động đối ngoại đã và đang góp phần quan*

*trọng nâng cao vị thế, uy tín của đất nước trong khu vực cũng như trên thế giới.*

* + Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ
* GV tổ chức cho HS làm việc nhóm ở lớp, chia lớp thành 4 nhóm, các nhóm thảo luận để tìm ra dẫn chứng cho nhận định: *Hoạt động đối ngoại đã và đang góp phần quan trọng nâng cao vị thế, uy tín của đất nước trong khu vực cũng như trên thế giới.*
  + Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Nhóm HS dựa vào những kiến thức đã học trong bài, thảo luận, đưa ra dẫn chứng về hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong giai đoạn từ năm 1986 đến nay để làm rõ được nhận định trên.

* + Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi 2 – 3 nhóm HS trình bày kết quả thảo luận của mình. Các nhóm HS khác phản biện, đặt câu hỏi và bổ sung.

* + Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức
* GV nhận xét phần trình bày của các nhóm và chốt kiến thức cho HS.
* Lưu ý: câu hỏi này mang tính mở vì vậy việc đánh giá, chốt kiến thức của GV cũng nên mang tính mở.

Gợi ý:

+ Việt Nam tham gia nhiều tổ chức kinh tế khu vực, quốc tế và với tư cách thành viên của ASEAN (từ năm 1995) và WTO (từ năm 2007) đã tạo điều kiện thuận lợi cho hội nhập kinh tế và nâng cao vị thế của đất nước.

+ Sự tham gia của Việt Nam vào nhiều tổ chức toàn cầu khác nhau thể hiện cam kết của Việt Nam đối với các chuẩn mực quốc tế, nỗ lực gìn giữ hoà bình và quản trị toàn cầu (dẫn chứng); từ đó, không ngừng nâng cao vị thế của Việt Nam trong cộng đồng quốc tế.

+ Việt Nam đã phát triển quan hệ song phương mạnh mẽ với nhiều quốc gia trên thế giới (dẫn chứng).

+ Việt Nam đóng vai trò tích cực tại các diễn đàn, sáng kiến khu vực, thể hiện vai trò lãnh đạo trong ASEAN. Việt Nam đã tham gia giải quyết các thách thức khu vực, thúc đẩy hợp tác kinh tế và góp phần duy trì hoà bình, ổn định ở Đông Nam Á (dẫn chứng).

+ Việt Nam đã tích cực thực hiện ngoại giao văn hoá, tổ chức các sự kiện quốc tế và tham gia giao lưu văn hoá quốc tế (dẫn chứng). Điều này đã góp phần tạo dựng hình ảnh tích cực của Việt Nam trên trường quốc tế và nâng cao quyền lực “mềm” của đất nước.

+ Việt Nam đã tham gia cung cấp hỗ trợ nhân đạo cho các quốc gia khác, đặc biệt là khắc phục hậu quả của thiên tai (dẫn chứng), tham gia các sứ mệnh gìn giữ hoà bình của Liên hợp quốc, thể hiện thiện chí, trách nhiệm của Việt Nam trong việc đóng góp cho hoà bình và an ninh quốc tế.

+ Việt Nam còn tham gia vào các dự án hợp tác phát triển ở nhiều nước, góp phần tạo dựng hình ảnh tích cực của mình trên toàn cầu. Phản ứng hiệu quả của Việt Nam trước các thách thức toàn cầu, như đại dịch COVID – 19, đã nhận được sự công nhận của quốc tế. Cách tiếp cận chủ động và linh hoạt của Việt Nam trong xử lí khủng hoảng đã nâng cao vị thế của đất nước trong khu vực và toàn cầu.

### HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

* 1. *Mục tiêu*
* HS phát triển kĩ năng thu thập các nguồn tư liệu đáng tin cậy từ sách, báo và internet về nội dung liên quan trực tiếp đến bài học; biết phân tích và tổng hợp để nhận xét, đánh giá về một số hoạt động cụ thể ở trường hoặc địa phương; góp phần phát triển năng lực vận dụng kiến thức đã học và thực tiễn.
* HS phát triển năng lực tư duy lô gíc qua việc xây dựng các lập luận mạch lạc, sử dụng bằng chứng một cách hiệu quả cho các phân tích của mình.
  1. *Tổ chức thực hiện*

***Câu 1.*** *Sưu tầm tư liệu từ sách, báo và internet, hãy viết bài giới thiệu về một hoạt động đối ngoại của Việt Nam mà em ấn tượng nhất.*

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ
* GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân ở nhà: *Sưu tầm tư liệu từ sách, báo và internet, hãy viết bài giới thiệu về một hoạt động đối ngoại của Việt Nam mà em ấn tượng nhất.*
* Lưu ý: GV cần có những gợi ý cụ thể và yêu cầu rõ ràng về dung lượng và chất lượng của sản phẩm.
* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS dựa vào kiến thức đã học và tìm hiểu thêm thông tin trên sách, báo hoặc internet để viết bài giới thiệu.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

HS sẽ báo cáo kết quả phần vận dụng trước lớp vào buổi học sau theo yêu cầu của GV.

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

*Gợi ý:* Một hoạt động đối ngoại tiêu biểu như: bình thường hoá quan hệ với Trung Quốc, bình thường hoá quan hệ với Mỹ, giải quyết vấn đề Cam-pu-chia, gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới, gia nhập ASEAN, gia nhập APEC…Ví dụ:

* Việt Nam bình thường hoá quan hệ với Mỹ:

+ Cột mốc lịch sử này đạt được vào năm 1995, đánh dấu sự kết thúc hàng thập kỉ “băng giá” giữa hai quốc gia, mở ra một kỉ nguyên mới của sự gắn kết và hợp tác.

+ Quá trình bình thường hoá là minh chứng cho sự khéo léo trong ngoại giao và cam kết của Việt Nam đối với hội nhập khu vực và toàn cầu.

+ Nêu những sự kiện quan trọng, các cuộc đàm phán ngoại giao trong quá trình bình thường hoá quan hệ với Mỹ.

+ Ý nghĩa: Đây được coi là một trong những nền tảng quan trọng cho việc mở rộng quan hệ đối ngoại của Việt Nam thời kì Đổi mới.

* Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO):

+ Hành trình đưa Việt Nam gia nhập WTO được đánh dấu bằng những cải cách kinh tế toàn diện, tự do hoá thương mại và nỗ lực phối hợp để phù hợp với các tiêu chuẩn thương mại quốc tế. Những cải cách đó nhằm tạo ra một nền kinh tế thị trường, thu hút đầu tư nước ngoài và tạo thuận lợi cho quan hệ thương mại với các quốc gia trên thế giới.

+ Việc gia nhập WTO mang lại nhiều tác động tích cực đối với hoạt động đối ngoại của Việt Nam. Nó giúp đất nước tăng khả năng tiếp cận thị trường, nâng cao khả năng dự đoán kinh tế và tạo một nền tảng để tham gia vào các hoạt động thương mại công bằng và minh bạch.

+ Cam kết của Việt Nam đối với các nguyên tắc WTO thể hiện sự sẵn sàng tuân thủ các chuẩn mực quốc tế.

+ Việc gia nhập WTO giúp Việt Nam đa dạng hoá thị trường xuất khẩu, thúc đẩy đổi mới và nâng cao khả năng cạnh tranh tổng thể của các ngành công nghiệp. Đất nước chứng kiến sự gia tăng mạnh mẽ về đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) và chuyển giao công nghệ, góp phần đáng kể vào tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh chóng trong giai đoạn này.

+ Việc Việt Nam gia nhập WTO minh chứng cho chiến lược đối ngoại chủ động và thành công của đất nước trong thời kì Đổi mới, đánh dấu một bước quyết định trong thúc đẩy mở cửa kinh tế và định vị là một quốc gia tham gia công bằng vào sân chơi toàn cầu.

***Câu 2.*** *Chia sẻ một số hoạt động của trường em (hoặc địa phương em) nhằm góp phần xây dựng hình ảnh đất nước tươi đẹp, thân thiện trong mắt bạn bè quốc tế.*

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân ở nhà để thực hiện nhiệm vụ: *Chia sẻ một số hoạt động của trường em (hoặc địa phương em) nhằm góp phần xây dựng hình ảnh đất nước tươi đẹp, thân thiện trong mắt bạn bè quốc tế.*

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS dựa vào gợi ý của GV và tìm hiểu thêm thông tin trên sách, báo hoặc internet để thực hiện nhiệm vụ.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

HS sẽ báo cáo kết quả phần vận dụng trước lớp vào buổi học sau theo yêu cầu của GV.

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

*Gợi ý:* Một số hoạt động của trường em (hoặc địa phương em) nhằm góp phần xây dựng hình ảnh đất nước tươi đẹp, thân thiện trong mắt bạn bè quốc tế: giới thiệu, quảng bá các di sản văn hoá, ẩm thực, danh lam thắng cảnh của đất nước; tham gia các cuộc thi tuyên truyền về di sản văn hoá; có những hành động thiết thực để góp phần xây dựng làng văn hoá, xây dựng nông thôn mới, xây dựng khu phố văn hoá…

**THỰC HÀNH CHỦ ĐỀ 5**

**LỊCH SỬ ĐỐI NGOẠI CỦA VIỆT NAM**

**THỜI CẬN- HIỆN ĐẠI**

**Thời gian thực hiện: 01 tiết**

**Tuần 24 – Tiết 42**

**Ngày soạn: 16/2 Ngày dạy: 18/2**

## I.MỤC TIÊU

**1. Về kiến thức:**

- Hệ thống hóa nội dung kiến thức cơ bản của chủ đề lịch sử đối ngoại của Việt Nam thời cận – hiện đại

**2. Về năng lực:**

- Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; tự học; giải quyết vấn đề.

- Năng lực riêng:

+ Rèn luyện cho học sinh kĩ năng làm việc nhóm, trình bày, giải thích, phân tích...sự kiện, quá trình lịch sử liên quan đến bài học, vận dụng kiến thức kĩ năng đã học để giải quyết những tình huống/bài tập nhận thức mới.

**3. Về phẩm chất:**

- Bồi dưỡng các phẩm chất như: Trung thực, sáng tạo, chăm chỉ, trách nhiệm, có ý thức tìm tòi khám phá lịch sử.

**II.THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:**

- Kế hoạch dạy học: Dựa vào nội dung của Chương trình môn học SGK để chuẩn bị theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất của HS.

- Tập bản đồ và tư liệu Lịch sử 12.

- Máy tính, máy chiếu (nếu có) **.**

**2. Học sinh:**

- Sách giáo khoa

- Tranh ảnh tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu và sự hướng dẫn của GV

**III. TIẾN TRÌNH DẠY -HỌC:**

**Bước 1: GV giao nhiêm vụ 1 cho HS:**

***Nhiệm vụ 1: BÀI TẬP SỐ 1***

GV mời HS tham gia trò chơi” Hộp quà bí ẩn”



GV Chia lớp thành 4 đội chơi, Đội nào có đáp án nhanh và đúng nhất sẽ giành chiến thắng.

**Câu 1:** **Phong trào Đông du (1905- 1908) do ai khởi xướng?**

A. Phan Bội Châu B. Phan Châu Trinh.

C. Nguyễn Ái Quốc D. Hoàng Hoa Thám.

**Câu 2: Từ năm 1921-1930, Nguyễn Ái Quốc đã tham gia sáng lập hai tổ chức có tính chất quốc tế là**

A. Hội Liên hiệp thuộc địa và Liên Hợp Quốc

B. Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông và Liên Hợp Quốc.

C. Hội Liên hiệp thuộc địa và Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên

D. Hội Liên hiệp thuộc địa và Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông.

**Câu 3: Từ năm 1950, Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước xã hội chủ nghĩa**

A. Trung Quốc, Liên Xô, Hàn Quốc. B. Trung Quốc, Liên Xô, Triều Tiên..

C. Trung Quốc, Mỹ, Liên Xô. D. Trung Quốc, Nga, Triều Tiên

**Câu 4: Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và xây dựng đất nước hoạt động đối ngoại chỉ thực sự phát huy vai trò khi nào?**

A. Giải quyết đúng vấn đề hội nhập và đoàn kết quốc tế.

B. Khi kẻ thù suy yếu.

C. Đáp ứng được mục tiêu giải quyết nhiệm vụ dân chủ của cách mạng Việt Nam.

D. Khi thế và lực của ta lớn mạnh

**Câu 5:** **Hiệp định đã đánh dấu thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp nhân dân Việt Nam là**

A. Hiệp định Sơ bộ. B. Tạm ước

C. Hiệp định Giơ-ne-vơ. D. Hiệp định Pa-ri

**Câu 6:** **Ngày 6-3-1946, nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà kí với Pháp hiệp định**

A. Tạm ước. B. Sơ bộ. C. Hoà bình D. Đình chiến

**Câu 7:** **Việt Nam tổ chức hội nghị thành lập Liên minh nhân dân ba nước Việt- Miên- Lào tại**

A. Tuyên Quang. B. Thái Nguyên. C. Cao Bằng D. Lạng Sơn.

**Câu 8: Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà kí với Pháp bản tạm ước ngày 14-9-1946 thể hiện điều gì?**

A. Việt Nam rất sợ Pháp.

B. Mong muốn thắt chặt mối quan hệ với Pháp.

C. Sự nhún nhường trước thực dân Pháp xâm lược.

D. Thiện chí hoà bình của dân tộc Việt Nam..

**Câu 9:** **VLý do nào sau đây là đúng về việc nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà thiết lập quan hệ ngoại giao với Liên Xô và Trung Quốc trong năm 1950?**

A. Tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế đối với cách mạng Việt Nam.

B. Muốn có thêm đồng minh để kháng chiến chống Mỹ

C. Muốn gia tăng vị trí của Việt Nam trên trường quốc tế.

D. Liên Xô và Trung Quốc muốn làm bạn với Việt Nam.

**Câu 10:** **Mục tiêu cơ bản và xuyên suốt trong hoạt động đối ngoại của Đảng và nhà nước Việt Nam Dân chủ cộng hoà trong kháng chiến chống Pháp và Mỹ là**

A. Đánh bại các cường quốc trên thế giới.

B. Nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. .

C. Phục vụ nhiệm vụ bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ.

D. Bảo vệ quyền lợi của nông dân và công nhân

***Nhiệm vụ 2: BÀI TẬP SỐ 2***

**GV chia lớp thành các nhóm nhỏ: Dựa vào thônng tin tư liệu GV cung cấp. HS hoàn thành các câu hỏi dạng Đúng - Sai. GV mời nhóm bất kì trả lời, các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung**

**Bài 1**

*“Nhân dân Việt Nam sẵn sàng hợp tác với Liên hợp quốc trong việc xây dựng nền hoà bình thế giới bền vững, và vì đã chịu những đau thương quá dữ dội dưới sự thống trị trực tiếp của người Pháp và còn khốc liệt hơn nữa kể từ cuộc mặc cả giữa Pháp và Nhật vào năm 1941, nên kiên quyết không bao giờ cho phép người Pháp trở lại Đông Dương” (Hồ Chí Minh, Thư gửi Tổng thống Mỹ Tơ-ru-man (1945), trích trong: Nguyễn Anh Minh, Hồ Chí Minh với những bức thư mong muốn hoà bình cho Việt Nam, NXB Chính trị quốc gia- Sự thật, Hà Nội, 2020, tr.30)*

1. Dân tộc Việt Nam phải chịu nhiều đau thương dưới sự thống trị của thực dân Pháp

b. Sau cách mạng tháng 8/1945, dân tộc Việt Nam kiên quyết đứng lên đấu tranh chống thực dân Pháp xâm lược, không cho Pháp quay trở lại đô hộ Việt Nam.

c. Sau cách mạng tháng 8/1945, Đảng ta xác định kẻ thù nguy hiểm nhất đối với cách mạng đó là sự quay trở lại xâm lược của thực dân Pháp.

d. Vì những đau thương mà người Nhật gây ra, nhân dân Việt Nam kiên quyết không bao giờ cho phép người Pháp trở lại Đông Dương.

**Bài 2**

*Norodom Sihanouk viết: “Từ lâu, tôi đã rất ngưỡng mộ “Bác Hồ”. Người không chỉ thuộc về Việt Nam, mà cả Đông Dương, cả châu Á và có cả thế giới, vì Người luôn bảo vệ những quyền lợi của các dân tộc bị áp bức ở các nước thuộc địa… Đối với riêng tôi, Người cũng là “đồng chí”. Người đã gửi cho tôi những bức thư trìu mến, và tôi cũng đã luôn ước mong được gặp Người” (Chủ tịch Hồ Chí Minh với các chính khách quốc tế, NXb Thông Tấn, Tái bản lần thứ nhất, Hà Nội, tr.134.)*

a. Trong hoạt động đối ngoại của mình, Hồ Chí Minh luôn nhằm mục đích gắn sự nghiệp cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới.

b. Hồ Chí Minh luôn xác định nhân dân lao động bị áp bức trên toàn thế giới đều là bạn của nhân dân Việt Nam.

c. Trong hoạt động đối ngoại, chủ tịch Hồ Chí Minh luôn trông cậy vào sự giúp đỡ của bạn bè quốc tế, coi đó là vấn đề chiến lược để cách mạng có thể thành công.

d. Hồ Chí Minh đã có tầm ảnh hưởng đến cả thế giới, Cách mạng Việt Nam cũng vì thế mà trở thành một bộ phận của cách mạng thế giới.

**Bài** **3**

*“Không có gì quý hơn độc lập, tự do, độc lập tự chủ, tự lực, tự cường, đem sức ta mà giải phóng cho ta, vạch ra chính sách và phương hướng ứng dụng biện pháp của riêng mình, luôn giương cao ngọn cờ hoà bình và hữu nghị, “dĩ bất biến, ứng vạn biến”, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại” (Học viện Quan hệ quốc tế: “50 năm ngoại giao Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng”, Kỷ yếu hộ thảo khoa học, Hà Nội, 1995, tr.91)*

a. Đảng và nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà luôn coi độc lập dân tộc là nguyên tắc chiến lược trong hoạt động đối ngoại với các nước khác.

b. Trong hoạt động đối ngoại Đảng ta luôn giương cao ngọn cờ hoà bình, hữu nghị với các nước.

c. Đảng luôn coi sức mạnh dân tộc là nền tảng quan trọng nhất để giành thắng lợi, không cần dựa vào sự ủng hộ giúp đỡ từ bên ngoài.

d. Chỉ có dựa vào sức mình thì mới có thể giải phóng được dân tộc, tuy nhiên vẫn tranh thủ sự ủng hộ giúp đỡ của bạn bè quốc tế.

**Bài** **4**

*Ngày 31-5-1946, trước khi lên đường thăm chính thức nước Pháp với tư cách là thượng khách, Bác đã nói với Quyền Chủ tịch nước Huỳnh Thúc Kháng: “Tôi vì nhiệm vụ quốc dân giao phó phải đi xa ít lâu, ở nhà trăm sự khó khăn nhờ cậy Cụ cùng anh em giải quyết cho. Mong Cụ “dĩ bất biến, ứng vạn biến” (Viện Hồ Chí Minh: Hồ Chí Minh- Biên niên tiểu sử, (1945-1946), Nxb, Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, t., tr.235)*

a. Trong các hoạt động đối ngoại Việt Nam luôn áp dụng nguyên tắc “dĩ bất biến, ứng vạn biến”.

b. Hồ Chí Minh luôn cố gắng để có được sự ủng hộ của nhân dân Pháp đối với cách mạng Việt Nam thông qua các hoạt động ngoại giao với Pháp.

c. Đảng ta luôn thay đổi chính sách ngoại giao với kẻ thù để phù hợp với tình hình thực tế của cách mạng nhưng đều dựa trên nguyên tắc độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của dân tộc

d. Hồ Chí Minh cho rằng không phải thay đổi chính sách ngoại giao với kẻ thù để phù hợp với tình hình thực tế của cách mạng vì Đảng ta đã xác định được mục tiêu chiến lược của cách mạng trước đó rồi.

**Bài** **5**

“Nhân dân Việt Nam sẵn sàng hợp tác với Liên hợp quốc trong việc xây dựng nền hoà bình thế giới bền vững, và vì đã chịu những đau thương quá dữ dội dưới sự thống trị trực tiếp của người Pháp và còn khốc liệt hơn nữa kể từ cuộc mặc cả giữa Pháp và Nhật vào năm 1941, nên kiên quyết không bao giờ cho phép người Pháp trở lại Đông Dương” *(Hồ Chí Minh, Thư gửi Tổng thống Mỹ Tơ-ru-man (1945), trích trong: Nguyễn Anh Minh, Hồ Chí Minh với những bức thư mong muốn hoà bình cho Việt Nam, NXB Chính trị quốc gia- Sự thật, Hà Nội, 2020, tr.30)*

1. Dân tộc Việt Nam phải chịu nhiều đau thương dưới sự thống trị của thực dân Pháp

b. Sau cách mạng tháng 8/1945, dân tộc Việt Nam kiên quyết đứng lên đấu tranh chống thực dân Pháp xâm lược, không cho Pháp quay trở lại đô hộ Việt Nam.

c. Sau cách mạng tháng 8/1945, Đảng ta xác định kẻ thù nguy hiểm nhất đối với cách mạng đó là sự quay trở lại xâm lược của thực dân Pháp

d. Vì những đau thương mà người Nhật gây ra, nhân dân Việt Nam kiên quyết không bao giờ cho phép người Pháp trở lại Đông Dương.

***Nhiệm vụ 3: BÀI TẬP SỐ 3***

**GV cho HS xem video về CMT8 năm 1945, yêu cầu HS xem video thảo luận nhóm**

Xem đoạn video sau và cho biết vai trò của mặt trận ngoại giao trong kháng chiến ở nước ta

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS xác định yêu cầu của GV

- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

**B3: Báo cáo kết quả hoạt động**

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**Dự kiến sản phẩm**

***Nhiệm vụ 1***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| CH | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| ĐA | A | D | B | A | C | B | A | D | A | C |

***Nhiệm vụ 2***

**Bài 1**

A – Đúng, B- Đúng, C – Đúng, D - Sai

**Bài 2**

A – Đúng, B- Đúng, C – Sai, D - Đúng

**Bài 3**

A – Đúng, B- Đúng, C – Sai, D - Đúng

**Bài 4**

A – Đúng, B- Đúng, C – Đúng, D – Sai

**Bài 5**

A – Đúng, B- Đúng, C – Đúng, D – Sai

**B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét bài làm của HS.

**Tuần 25, 2 6 – Tiết 43, 44**

**ÔN TẬP, KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲII**

(THEO MA TRẬN VÀ KẾ HOẠCH KIỂM TRA)

**TRƯỜNG THPT TRẦN CAO VÂN MA TRẬN KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II**

**NĂM HỌC 2024-2025**

TỔ : SỬ- ĐỊA - KTPL **MÔN LỊCH SỬ 12**

Thời gian làm bài: 45 phút

**I. MỤC ĐÍCH.**

**1. Kiến thức.**

- Nêu được những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong đấu tranh giành độc lập dân tộc (từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945), trong kháng chiến chống Pháp (1945-1954), trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975).

- Nêu được những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong giai đoạn 1975 - 1985.

- Nêu được những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong giai đoạn từ năm 1986 đến nay.

- Tự hào về truyền thống ngoại giao của cha ông trong lịch sử, góp phần vào việc xây dựng hình ảnh đẹp, thân thiện của đất nước Việt Nam trong cộng đồng quốc tế.

- Biết cách sưu tầm và sử dụng tư liệu lịch sử để tìm hiểu về hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp, Mĩ. Hoạt động đối ngoại của Nguyễn Ái Quốc. Hoạt động đối ngoại từ 1986 đến nay.

**2. Năng lực.**

- Lựa chọn, khái quát vấn đề lịch sử…

- Phân tích, nhận xét, so sánh, đánh giá, liên hệ thực tiễn…

**3. Phẩm chất.**

- Trung thực: tự giác làm bài kiểm tra.

- Chăm chỉ: phát huy hết khả năng của mình.

**II. HÌNH THỨC**

- Kết hợp trắc nghiệm và tự luận: 70% TN (TNLC - TNĐS) và 30% TL.

- Trắc nghiệm khách quan gồm các loại câu hỏi: trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn và trắc nghiệm đúng sai.

**III. MA TRẬN.**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KÌ II - NĂM HỌC 2024-2025**

**MÔN: LỊCH SỬ LỚP 12 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **chủ đề** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | | | | | | | | | | **Tổng** | | | **Tỉ lệ %** |
| **TNKQ nhiều lựa chọn** | | | **TNKQ đúng - sai** | | | **Tự luận** | | | |  | | |  |
| ***Biết*** | ***Hiểu*** | ***VD*** | ***Biết*** | ***Hiểu*** | ***VD*** | ***Biết*** | | ***Hiểu*** | ***VD*** | ***Biết*** | ***Hiểu*** | ***VD*** |  |
| 1 | **CHỦ ĐỀ 5:** **Lịch sử đối ngoại của Việt Nam thời cận- hiện đại** | **Bài 12 :** Hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong đấu tranh giành độc lập dân tộc ( từ đầu thế kỉ XX đến cách mạng tháng Tám năm 1945) | 1 | 3 |  | 1 ý | 1 ý | 2 ý | 1/2\* | |  | 1/2\* | **2** | **4** | **2** |  |
| **Bài 13.** Hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp ( 1945-1954) và kháng chiến chống Mĩ ( 1954-1975) | 2 | 3 |  | 2 ý | 2 ý | 4 ý | 1/2\* | |  | 1/2\* | **4** | **5** | **4** |  |
| **Bài 14**. Hoạt động đối ngoại của Việt nam từ năm 1975 đến nay | 1 | 2 |  | 1 ý | 1 ý | 2 ý |  | |  |  | **2** | **3** | **2** |  |
| **Tổng số câu** | | | 4 | 8 | 0 | 4 ý | 4 ý | 8 ý | ½ | |  | ½ | **4c+ 4 ý+0.5TL** | **8c+4 ý** | **8 ý+0.5 TL** |  |
| **Tổng số điểm** | | | 1.0 | 2.0 |  | 4.0 | | | 3.0 | | | |  |  |  | **10,0** |
| **Tỉ lệ** | | | **70 %** | | | | | | | **30%** | | | **40** | **30** | **30** | **100** |

***Ghi chú: Mỗi câu hỏi tại phần I là một lệnh hỏi; mỗi ý hỏi tại phần II là một lệnh hỏi.***

* ***Có 12 câu trắc nghiệm 4 đáp án tương đương với 12 lệnh hỏi ( 3,0 điểm)***
* ***Có 4 câu hỏi Đúng / Sai tương đương với 16 lệnh hỏi ( 4,0 điểm).***
* ***Câu hỏi tự luận (3 điểm): có thể ở bài 12 hoặc bài 13(\*)***

**IV. BẢNG MÔ TẢ.**

**MÔN: LỊCH SỬ LỚP 12 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung**  **kiến thức** | **Đơn vị**  **kiến thức** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng**  **cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** |
| **1** | **Chủ đề 5 : Lịch sử đối ngoại Việt Nam thời cận- hiện đại** | **Bài 12.** Hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong đấu tranh giành độc lập dân tộc ( từ đầu thế kỉ XX đến cách mạng tháng Tám năm 1945) | \***NB**  Những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong đấu tranh giành độc lập dân tộc (từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945).( hoạt động đối ngoại của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Nguyễn Ái Quốc) | 1c+1ý  1/2TL\* |  |  |
| \*TH  Những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong đấu tranh giành độc lập dân tộc (từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám năm 1945).( hoạt động đối ngoại của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Nguyễn Ái Quốc) |  | 3c+1ý |  |
| **\*VD**  Sử dụng tư liệu lịch sử để lí giải các hoạt động đối ngoại giai đoạn này.  So sánh hoạt động đối ngoại của Nguyễn Ái Quốc với các bậc tiền bối đi trước. |  |  | 2 ý+1/2TL\* |
| **Bài 13.** Hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp ( 1945-1954) và kháng chiến chống Mĩ ( 1954-1975) | **\*NB**  – Những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp 1945-1954.  – Những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ 1954-1975. | 2c+2 ý  1/2TL\* |  |  |
| **\*TH**  – Những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp 1945-1954.  – Những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ 1954-1975. |  | 3c+1 ý |  |
| **\*VD**  Sử dụng tư liệu lịch sử để lí giải các hoạt động đối ngoại giai đoạn này.  Bài học kinh nghiệm được rút ra từ hoạt động đối ngoại trong kháng chiến chống Pháp (1945-1954). |  |  | 4 ý+1/2TL\* |
| Bài 14. Hoạt động đối ngoại của Việt nam từ năm 1975 đến nay | \***NB**  Những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong giai đoạn 1975-1985 và giai đoạn 1986 đến nay | 1c+1 ý |  |  |
| **\*TH**  Những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong giai đoạn 1975-1985 và giai đoạn 1986 đến nay |  | 2c+1 ý |  |
|  |  |  | **\*VD**  Sử dụng tư liệu lịch sử để lí giải các hoạt động đối ngoại giai đoạn này |  |  | 2 ý |

**CHỦ ĐỀ 6. HỒ CHÍ MINH TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM**

**BÀI 15. KHÁI QUÁT CUỘC ĐỜI VÀ SỰ NGHIỆP CỦA HỒ CHÍ MINH**

**Thời gian thực hiện: 2 tiết**

**Tuần 27, 28 – Tiết 45, 46**

## MỤC TIÊU

#### Về kiến thức

* + - Nêu được một số yếu tố ảnh hưởng đến cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh.
    - Tóm tắt được những nét cơ bản trong tiểu sử của Hồ Chí Minh.
    - Nêu được tiến trình hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh.

#### Về năng lực

* + - Năng lực chung:

+ Năng lực tự chủ và tự học: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập; tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.

+ Năng lực giao tiếp và hợp tác: hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập.

+ Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết chúng.

* + - Năng lực đặc thù:

+ Năng lực tìm hiểu lịch sử: biết cách khai thác, sưu tầm, sử dụng tư liệu để tìm hiểu về cuộc đời và sự nghiệp Chủ tịch Hồ Chí Minh.

+ Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: tóm tắt được những nét cơ bản trong tiểu sử của Hồ Chí Minh; nêu được một số yếu tố ảnh hưởng đến cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh; nêu được tiến trình hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh.

#### Về phẩm chất

Bồi dưỡng lòng biết ơn, ý thức trân trọng những công lao của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với lịch sử dân tộc.

## THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

#### Giáo viên

* + - Các hình ảnh, các tư liệu về Hồ Chí Minh (đã có trong nội dung chủ đề, có thể phóng to qua máy chiếu).
    - Một số đoạn video, đoạn phim tài liệu, bài hát,… về quê hương, gia đình và về cuộc đời, sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh như bộ phim tư liệu: *Hồ Chí Minh – Chân dung một con người,...*
      * Phiếu học tập.
      * Máy tính, máy chiếu,…

#### Học sinh

* + - SGK, SBT *Lịch sử 12* – Bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống*.
    - Tư liệu liên quan đến bài học theo yêu cầu của GV.

## TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

### HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG, MỞ ĐẦU BÀI HỌC

* + Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân, đọc thông tin trong phần Mở đầu và dựa vào hiểu biết của mình để trả lời các câu hỏi:

* *Theo em, những yếu tố nào đã góp phần tạo nên “đạo đức, trí tuệ, nhân cách” và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh?*
* *Hãy chia sẻ những điều em biết về tiến trình hoạt động cách mạng của Người.*
  + Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS khai thác thông tin trong phần Mở đầu, huy động những hiểu biết của mình để trả lời các câu hỏi.

* + Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi 2 – 3 HS lần lượt trả lời các câu hỏi trước lớp. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có)

* + Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

Trên cơ sở phần trả lời của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới, nêu một số yêu cầu cần đạt chủ yếu của bài học để định hướng nhận thức cho HS.

### HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

#### Hoạt động 1: Tìm hiểu những yếu tố ảnh hưởng đến cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh

* 1. *Mục tiêu*

Nêu được một số yếu tố ảnh hưởng đến cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh.

* 1. *Tổ chức thực hiện*
* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức cho HS làm việc nhóm, chia lớp thành 3 nhóm, các nhóm đọc thông tin, khai thác hình ảnh trong mục để thực hiện nhiệm vụ: *Vẽ sơ đồ tư duy thể hiện những nhân tố ảnh hưởng đến cuộc đời và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh.*

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Nhóm HS hoạt động bằng cách như sau:

– Mỗi HS sẽ dành thời gian làm việc cá nhân dựa vào đọc thông tin trong SGK, tìm trong tư liệu 1, 2 những cụm từ liên quan:

+ Tư liệu 1: những cụm từ thể hiện hoàn cảnh đất nước lúc bấy giờ (bị chủ nghĩa tư bản Pháp bóc lột để làm giàu cho một số cá mập (chủ tư bản Pháp), đưa người Đông Dương vào chỗ chết trong cuộc chém giết của bọn tư bản, đầu độc họ bằng rượu cồn và thuốc phiện, kìm họ trong ngu dốt,...).

+ Tư liệu 2: thông qua những từ, cụm từ, HS nêu được nhận xét về quê hương Chủ tịch Hồ Chí Minh và nêu được tác động của quê hương và gia đình đến cuộc đời và sự nghiệp của Người (núi cao, sông sâu, phong tục trọng hậu, cảnh tượng tươi sáng, đất có danh tiếng, người thì thuần hoà, chăm học, sản vật thì nhiều thức quý của lạ, được khí tốt của sông núi, sinh ra nhiều bậc danh hiền, then khoá của các triều đại).

* Sau đó, các nhóm HS sẽ cùng nhau thảo luận để nhận xét và trình bày được bối cảnh đất nước đã ảnh hưởng đến cuộc đời và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh.
  + Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi các nhóm HS trình bày kết quả thảo luận trước lớp. Các nhóm HS khác nhận xét, đặt câu hỏi, bổ sung (nếu có)

* + Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét, đánh giá phần trình bày của các nhóm và chuẩn kiến thức cho HS: Các nhân tố ảnh hưởng đến cuộc đời của Hồ Chí Minh:

* Hoàn cảnh đất nước:

+ Việt Nam là đất nước có nền văn hiến lâu đời. Trải qua hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước, nhân dân Việt Nam đã hun đúc nên truyền thống quý báu: yêu nước, đoàn kết, nhân nghĩa,...

+ Từ giữa thế kỉ XIX, thực dân Pháp xâm lược và từng bước áp đặt ách cai trị ở Việt Nam. Dưới chế độ thực dân, nền độc lập dân tộc và quyền tự do của đại bộ phận nhân dân bị tước đoạt.

+ Cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX, các phong trào yêu nước chống Pháp đều thất bại. Đấu tranh giành độc lập cho dân tộc, tự do và hạnh phúc cho nhân dân là nhiệm vụ cấp bách của dân tộc và cũng là khát vọng của cả cuộc đời Chủ tịch Hồ Chí Minh.

* Hoàn cảnh quê hương:

+ Chủ tịch Hồ Chí Minh quê ở huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An – vùng đất “sơn thuỷ hữu tình”, có truyền thống lịch sử, văn hoá lâu đời, nơi khởi nguồn của nhiều phong trào yêu nước.

+ Vùng đất này đã sản sinh ra nhiều anh hùng dân tộc, danh nhân văn hoá và nhà khoa bảng nổi tiếng trong lịch sử.

+ Điều kiện tự nhiên khắc nghiệt và thực tiễn dựng nước, giữ nước đã hun đúc nên những phẩm chất của người xứ Nghệ như: cần cù trong lao động, ý chí trong học tập và đoàn kết trong đấu tranh.

+ Thời cận đại, Nghệ An có trung tâm công nghiệp Vinh – Bến Thuỷ lớn nhất khu vực Bắc miền Trung. Vì vậy, nhân dân có nhiều cơ hội được tiếp xúc văn minh phương Tây và đón nhận tư tưởng mới.

* Hoàn cảnh gia đình:

+ Chủ tịch Hồ Chí Minh sinh ra trong một gia đình yêu nước, cha là Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc – một nhà nho mẫu mực, mẹ là bà Hoàng Thị Loan – một người phụ nữ đảm đang, chăm chỉ và rất am hiểu các loại hình văn hoá dân gian.

+ Sự nền nếp, truyền thống hiếu học, giàu tình yêu thương của gia đình đã giúp Chủ tịch Hồ Chí Minh sớm hình thành nhân cách tốt đẹp và có sự đồng cảm với nhân dân lao động.

#### Hoạt động 2: Tìm hiểu về tiểu sử và tiến trình hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh

* 1. *Mục tiêu*
* Tóm tắt được những nét cơ bản trong tiểu sử của Hồ Chí Minh.
* Nêu được tiến trình hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh.
  1. *Tổ chức thực hiện*

\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức cho HS làm việc cặp đôi, đọc thông tin trong SGK hoàn thành Phiếu học tập: *Tóm tắt nét cơ bản trong tiểu sử và tiến trình hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh*.

**PHIẾU HỌC TẬP**

*Tìm hiểu nét cơ bản trong tiểu sử và tiến trình hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh*

|  |  |
| --- | --- |
| **Cuộc đời và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh** | **Những nét cơ bản** |
| Tiểu sử | ? |
| Những năm tháng hoạt động ở nước ngoài (1911 – 1941) | ? |
| Trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam (1941 – 1969) | ? |

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Cặp đôi HS thảo luận và cùng hoàn thành Phiếu học tập theo yêu cầu.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi đại diện 2 – 3 cặp đôi HS trình bày sản phẩm trước lớp. Các HS khác nhận xét, đặt câu hỏi, bổ sung (nếu có).

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét hoạt động cặp đôi và phần trả lời câu hỏi cùng các sản phẩm của HS, sau đó chốt lại kiến thức:

* Tiểu sử, thời niên thiếu và những hoạt động đầu tiên (1890 – 1911):

+ Chủ tịch Hồ Chí Minh (thuở nhỏ tên là Nguyễn Sinh Cung) sinh ngày 19 – 5 – 1890, quê cha ở Làng Sen, quê mẹ ở làng Hoàng Trù, xã Kim Liên (Nam Đàn, Nghệ An).

+ Năm 1895, Nguyễn Sinh Cung theo cha mẹ vào sinh sống ở Huế. Sau khi mẹ qua đời (1901), Nguyễn Sinh Cung theo cha về quê, lấy tên mới là Nguyễn Tất Thành, được theo học những thầy giáo giỏi ở địa phương.

+ Năm 1906, Nguyễn Tất Thành theo cha vào Huế, học tại Trường Tiểu học Pháp – Việt Đông Ba và Trường Quốc học Huế. Năm 1909, Nguyễn Tất Thành theo cha đến Bình Định và tiếp tục hoàn thành bậc Tiểu học tại Trường Pháp – Việt Quy Nhơn.

+ Sớm có tinh thần yêu nước, năm 1908, Nguyễn Tất Thành tham gia phong trào chống thuế ở Huế. Cuối tháng 8 – 1910, Nguyễn Tất Thành đến Phan Thiết (Bình Thuận), dạy học tại Trường Dục Thanh. Tại đây, Nguyễn Tất Thành truyền thụ cho học sinh lòng yêu nước và những trăn trở về vận mệnh của đất nước.

– Những năm tháng hoạt động ở nước ngoài (1911 – 1941):

+ Từ năm 1911 đến năm 1920: Từ năm 1911 đến năm 1917, Nguyễn Tất Thành đến nhiều nước châu Á, châu Âu, châu Phi, tích cực tìm hiểu cuộc sống của nhân dân lao động. Năm 1917, Nguyễn Tất Thành trở lại hoạt động ở Pháp. Năm 1919, Nguyễn Tất Thành thay mặt những người Việt Nam yêu nước tại Pháp gửi tới Hội nghị Véc-xai bản Yêu sách của nhân dân An Nam, trong đó kí tên là Nguyễn Ái Quốc. Tháng 7 – 1920, Nguyễn Ái Quốc đọc Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của V. Lê-nin. Tháng 12 – 1920, Nguyễn Ái Quốc bỏ phiếu tán thành Quốc tế Cộng sản và tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp, trở thành người cộng sản đầu tiên của Việt Nam.

+ Từ năm 1921 đến năm 1930:

Từ năm 1921 đến tháng 6 – 1923, Nguyễn Ái Quốc hoạt động ở Pháp, tham gia thành lập Hội Liên hiệp các dân tộc thuộc địa, làm Chủ nhiệm kiêm chủ bút báo Người cùng khổ,...

Tháng 6 – 1923, Nguyễn Ái Quốc đến Liên Xô, tích cực hoạt động trong phong trào cộng sản quốc tế,… Từ tháng 11 – 1924 đến giữa năm 1927, Nguyễn Ái Quốc đến Quảng Châu (Trung Quốc), thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, ra báo Thanh niên (1925),… Từ giữa năm 1927 đến cuối năm 1929, Nguyễn Ái Quốc hoạt động cách mạng ở Pháp, Bỉ, Đức, Xiêm,... Đầu năm 1930, Nguyễn Ái Quốc triệu tập và chủ trì Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản, thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam ở Hương Cảng (Trung Quốc), soạn thảo Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt được coi là Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.

+ Từ năm 1930 đến năm 1941: Năm 1933, Nguyễn Ái Quốc hoạt động tại Liên Xô. Năm 1938, Nguyễn Ái Quốc trở lại Trung Quốc và hoạt động cách mạng ở đây. Ngày 28 – 1 – 1941, sau hơn 30 năm xa Tổ quốc, Nguyễn Ái Quốc trở về nước, trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

– Trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam (1941 – 1969):

+ Từ năm 1941 đến năm 1945: Nguyễn Ái Quốc triệu tập và chủ trì Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (5 – 1941). Nguyễn Ái Quốc tham gia thành lập Việt Nam Độc lập đồng minh (Việt Minh), tổ chức chỉ đạo xây dựng lực lượng vũ trang, căn cứ địa cách mạng. Tháng 8 – 1942, Nguyễn Ái Quốc lấy tên là Hồ Chí Minh, sang Trung Quốc tìm sự liên minh quốc tế. Tháng 9 – 1944, Hồ Chí Minh trở về nước tiếp tục lãnh đạo cách mạng. Tháng 8 – 1945, Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng, Mặt trận Việt Minh lãnh đạo nhân dân Tổng khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi, và được cử làm Chủ tịch của Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Ngày 2 – 9 – 1945, tại Quảng trường Ba Đình (Hà Nội), Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn Độc lập, tuyên bố thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

+ Từ năm 1945 đến năm 1969:

Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng với Trung ương Đảng lãnh đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 –1954). Tháng 1 – 1946, Hồ Chí Minh được Quốc hội khoá I bầu làm Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Tại Đại hội lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương (2 – 1951), Hồ Chí Minh được bầu làm Chủ tịch Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng với Trung ương Đảng lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Tháng 10 – 1956, Chủ tịch Hồ Chí Minh là Chủ tịch Đảng, kiêm Tổng Bí thư Đảng Lao động Việt Nam. Tại Đại hội lần thứ III của Đảng (9 – 1960), Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp tục được bầu làm Chủ tịch Đảng Lao động Việt Nam. Ngày 2 – 9 – 1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời tại Hà Nội.

### HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

*Lập trục thời gian (theo ý tưởng của em) thể hiện những nét chính về tiến trình hoạt động cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh.*

1. *Mục tiêu*

Nhiệm vụ này giúp HS củng cố, hệ thống lại các sự kiện để xây dựng được trục thời gian thể hiện những nét chính trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

1. *Tổ chức thực hiện*

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức HS làm việc theo nhóm ở nhà, chia lớp thành 6 nhóm để thực hiện nhiệm vụ: *Lập trục thời gian thể hiện những nét chính về tiến trình hoạt động cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh.*

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
* Phân công nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên trong nhóm để chuẩn bị trước.
* Thảo luận, thống nhất cách trình bày trục thời gian và những nét chính trong tiến trình hoạt động cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh cần thể hiện trên trục.
* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV tổ chức cho các nhóm HS trao đổi sản phẩm, tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau theo bảng kiểm dưới đây:

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM TRỤC THỜI GIAN CỦA HỌC SINH

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tiêu chí** | | **Điểm** |
| 1 | Nội dung | Các sự kiện được sắp xếp đúng theo trật tự thời gian. | 1 |
| Nội dung thông tin đầy đủ, chính xác. | 3 |
| Bố cục mạch lạc, lô gíc. | 1 |
| 2 | Hình thức | Trình bày theo đúng dạng của sơ đồ trục thời gian. | 2 |
| Trình bày sản phẩm sạch sẽ, dễ nhìn. | 1 |
| Có sử dụng màu sắc, hình ảnh để minh hoạ cho thông tin. | 2 |

* + Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét phần làm việc và đánh giá sản phẩm của các nhóm HS, chuẩn kiến thức cho HS.

*Gợi ý:* Trên trục thời gian thể hiện được các sự kiện chính trong 4 giai đoạn hoạt động cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh: 1890 – 1911, 1911 – 1941, 1941 – 1945, 1945 – 1969.

### HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

*Viết bài giới thiệu về một cuốn sách hoặc một bộ phim về Chủ tịch Hồ Chí Minh. Nêu cảm nghĩ của em về cuốn sách hoặc bộ phim đó.*

1. *Mục tiêu*

HS vận dụng kiến thức, kĩ năng đã có để thực hiện nhiệm vụ được giao là sưu tầm tư liệu từ các nguồn (sách, báo, internet,...) để viết bài giới thiệu một cuốn sách hoặc một bộ phim về Chủ tịch Hồ Chí Minh. Thông qua đó, HS được rèn luyện khả năng tìm kiếm, tiếp cận và xử lí thông tin từ nhiều nguồn khác nhau, phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết một nhiệm vụ học tập mới.

1. *Tổ chức thực hiện*

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân ở nhà và thực hiện nhiệm vụ: *Viết bài giới thiệu về một cuốn sách hoặc một bộ phim về Chủ tịch Hồ Chí Minh. Nêu cảm nghĩ của em về cuốn sách hoặc bộ phim đó.* GV định hướng HS vận dụng những kiến thức, kĩ năng để viết bài và nộp lại.

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS dựa vào kiến thức đã học, sưu tầm thông tin, tư liệu từ sách, báo và trên internet để thực hiện nhiệm vụ.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận
* HS nộp lại sản phẩm cho GV vào thời gian quy định.
* GV cho 1 – 2 HS chia sẻ bài giới thiệu trước lớp.
* Bước 4: Nhật xét, chốt kiến thức

GV nhận xét, đánh giá và chốt lại kiến thức cho HS theo hướng mở.

*Gợi ý:*

+ Với yêu cầu thứ nhất, GV có thể gợi ý tên một số cuốn sách hoặc bộ phim về Chủ tịch Hồ Chí Minh để HS có định hướng lựa chọn. Ví dụ: một số cuốn sách viết về Chủ tịch Hồ Chí Minh như: *Hành trình theo chân Bác, Hồ Chí Minh – Hành trình 79 mùa xuân, Hồ Chí Minh – Con người và sự sống, Những mẩu chuyện về phong cách Hồ Chí Minh,…*; một số bộ phim về Chủ tịch Hồ Chí Minh như: *Nguyễn Ái Quốc ở Hồng Công, Hà Nội mùa đông năm 1946, Nhà tiên tri,…*

+ Với yêu cầu thứ hai, tuỳ theo nội dung cuốn sách hoặc bộ phim lựa chọn, HS nêu được cảm nghĩ của mình: *Thông qua cuốn sách hoặc bộ phim, em rút ra được điều gì? Em học tập được điều gì từ tấm gương của Chủ tịch Hồ Chí Minh?,...*

# BÀI 16. HỒ CHÍ MINH – ANH HÙNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC

**Thời gian thực hiện: 03 tiết**

**Tuần 29, 30, 31 – Tiết 47,48, 49**

## MỤC TIÊU

#### Về kiến thức

* + - Giới thiệu được hành trình đi tìm đường cứu nước của Hồ Chí Minh trên bản đồ.
    - Nêu được nội dung cơ bản của con đường cứu nước của Hồ Chí Minh và ý nghĩa của sự kiện Hồ Chí Minh tìm ra con đường cứu nước.
    - Trình bày được quá trình chuẩn bị về chính trị, tư tưởng, tổ chức của Hồ Chí Minh cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.
    - Nêu được vai trò của Hồ Chí Minh đối với việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và ý nghĩa của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.
    - Nêu được ý nghĩa của việc thành lập Mặt trận Việt Minh và vai trò của Hồ Chí Minh.
    - Nêu được vai trò của Hồ Chí Minh đối với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 và lập ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà; vai trò của Hồ Chí Minh trong lãnh đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954) và chống Mỹ (1954 –1969).

#### Về năng lực

* + - Năng lực chung:

+ Năng lực tự chủ và tự học: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập; tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.

+ Năng lực giao tiếp và hợp tác: hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập.

+ Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết chúng.

* + - Năng lực đặc thù:

+ Năng lực tìm hiểu lịch sử: biết cách khai thác, sưu tầm, sử dụng tư liệu để tìm hiểu về cuộc đời, sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

+ Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: giới thiệu được hành trình đi tìm đường cứu nước của Hồ Chí Minh trên bản đồ; nêu được nội dung cơ bản của con đường cứu nước của Hồ Chí Minh; nêu được ý nghĩa của sự kiện Hồ Chí Minh tìm ra con đường cứu nước; trình bày được quá trình chuẩn bị về chính trị, tư tưởng, tổ chức của Hồ Chí Minh cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam; nêu được vai trò của Hồ Chí Minh đối với việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và nghĩa của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam; nêu được ý nghĩa của việc thành lập Mặt trận Việt Minh và vai trò của Hồ Chí Minh.

#### Về phẩm chất

Có ý thức trân trọng công lao, đóng góp của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam.

## THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

#### Giáo viên

* + - Các hình ảnh, tư liệu về Chủ tịch Hồ Chí Minh (có thể phóng to qua máy chiếu).
    - Một số đoạn video, đoạn phim tài liệu về đóng góp của Chủ tịch Hồ Chí Minh như *Hồ Chí Minh: chân dung một con người, Nguyễn Ái Quốc – ẩn số từ nước Pháp, Ngọn đuốc thế kỉ, Hồ Chí Minh – bài ca tự do,…*
    - Phiếu học tập.
    - Máy tính, máy chiếu,…

#### Học sinh

* + - SGK, SBT *Lịch sử 12* – Bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống.*
    - Tư liệu liên quan đến bài học theo yêu cầu của GV.

## TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

### HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG, MỞ ĐẦU BÀI HỌC

* 1. *Mục tiêu*

Mục tiêu của hoạt động này là nhằm dẫn dắt, tạo hứng thú cho HS, kết nối với nội dung bài học về chân dung Hồ Chí Minh – anh hùng giải phóng dân tộc.

* 1. *Thực hiện nhiệm vụ*
* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ
* GV cho HS đọc thông tin phần mở đầu và trả lời câu hỏi: *Vì sao UNESCO lại đánh giá Chủ tịch Hồ Chí Minh là Anh hùng giải phóng dân tộc?*
* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
* HS làm việc cá nhân, dựa vào những hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi của GV.
* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi 2 – 3 HS để trả lời câu hỏi trước lớp. Các HS khác nhận xét, đặt câu hỏi, bổ sung (nếu có).

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét, đánh giá phần trả lời của HS và dẫn dắt vào bài học mới.

### HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

#### Hoạt động 1: Tìm hiểu về hành trình tìm đường cứu nước của Hồ Chí Minh

* 1. *Mục tiêu*
* Giới thiệu được hành trình đi tìm đường cứu nước của Hồ Chí Minh trên bản đồ.
* Nêu được nội dung cơ bản của con đường cứu nước của Hồ Chí Minh và ý nghĩa của sự kiện Hồ Chí Minh tìm ra con đường cứu nước.
  1. *Tổ chức thực hiện*

\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

* GV tổ chức cho HS làm việc cặp đôi và thực hiện nhiệm vụ:

+ Quan sát lược đồ Hành trình đi tìm đường cứu nước của Nguyễn Tất Thành – Nguyễn Ái Quốc (1911 – 1920) và giới thiệu hành trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc trên lược đồ.

+ Đọc thông tin và khai thác tư liệu 1, 2, hoàn thành Phiếu học tập về quá trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Tất Thành – Nguyễn Ái Quốc.

**PHIẾU HỌC TẬP**

*Tìm hiểu về quá trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Tất Thành – Nguyễn Ái Quốc*

|  |  |
| --- | --- |
| Những sự kiện chứng tỏ Nguyễn Ái Quốc tìm thấy con đường cứu nước | ? |
| Nội dung con đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc | ? |
| Ý nghĩa sự kiện Nguyễn Ái Quốc tìm thấy con đường cứu nước | ? |

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS hoạt động cặp đôi thực hiện theo trình tự như sau:

* Từng HS quan sát và xác định trên lược đồ những điểm chính trên hành trình đi tìm đường cứu nước của Hồ Chí Minh.
* Cặp đôi đọc tư liệu 1, 2 và thông tin trong mục, thảo luận nội dung để hoàn thành Phiếu học tập theo gợi ý trên.
* Bước 3: Báo cáo, thảo luận
* GV gọi 1 – 2 đại diện cặp đôi lần lượt lên bảng giới thiệu hành trình của Nguyễn Tất Thành – Nguyễn Ái Quốc; trình bày Phiếu học tập và gọi 1 – 2 HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).
* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét phần làm việc của HS và chốt kiến thức:

* Trong quá trình đi tìm đường cứu nước, đi qua các châu lục, tìm hiểu bản chất của chủ nghĩa thực dân và các cuộc cách mạng tư sản trên thế giới, Nguyễn Ái Quốc có nhận thức rất quan trọng rằng: dù màu da có khác nhau, trên đời này chỉ có hai giống người: giống người bóc lột và giống người bị bóc lột. Mà cũng chỉ có một tình hữu ái là thật mà thôi: tình hữu ái vô sản; chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ. Vì vậy, Nguyễn Ái Quốc lựa chọn đi theo con đường cách mạng vô sản.
* Gợi ý nội dung Phiếu học tập.

**PHIẾU HỌC TẬP**

*Tìm hiểu về quá trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Tất Thành – Nguyễn Ái Quốc*

|  |  |
| --- | --- |
| Những sự kiện chứng tỏ Nguyễn Ái Quốc tìm  thấy con đường cứu nước | * Tháng 7 – 1920: Đọc *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lê-nin. * Tháng 12 – 1920: bỏ phiếu tán thành Quốc tế Cộng sản và tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp. |
| Nội dung con đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc | Đi theo con đường cách mạng vô sản, gắn giải phóng dân tộc với giải phóng giai cấp. |
| Ý nghĩa sự kiện Nguyễn Ái Quốc tìm thấy con đường cứu nước | * Bước đầu giải quyết cuộc khủng hoảng về đường lối của phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam. * Mở ra thời kì mới trong phong trào giải phóng dân tộc: thời kì gắn cách mạng Việt Nam với cách mạng vô sản thế giới. |

* Sự kiện Nguyễn Ái Quốc đọc *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lê-nin và bỏ phiếu tán thành Quốc tế Cộng sản và tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp (1920) có ý nghĩa to lớn đối với sự phát triển của cách mạng Việt Nam: đánh dấu bước nhảy vọt trong tư tưởng chính trị của Nguyễn Ái Quốc, từ người yêu nước trở thành cộng sản; bước đầu giải quyết cuộc khủng hoảng đường lối của phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam; mở ra cho phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam một giai đoạn phát triển mới: giai đoạn gắn phong trào cách mạng Việt Nam với phong trào cách mạng thế giới.
* Bước 5. Mở rộng

GV có thể mở rộng cho HS bằng cách yêu cầu HS trả lời câu hỏi: *Vì sao Nguyễn Ái Quốc lựa chọn đi theo con đường cách mạng vô sản?*

#### Hoạt động 2: Tìm hiểu về vai trò của Nguyễn Ái Quốc đối với sự sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam

* 1. *Mục tiêu*
* Trình bày được quá trình chuẩn bị về chính trị, tư tưởng, tổ chức của Hồ Chí Minh cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.
* Nêu được vai trò của Hồ Chí Minh đối với việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và ý nghĩa của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.
  1. *Tổ chức thực hiện*

##### Nhiệm vụ 1. Tìm hiểu về vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong việc chuẩn bị chính trị, tư tưởng và tổ chức cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam của Nguyễn Ái Quốc

* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ
* GV có thể chia lớp thành 4 nhóm, các nhóm chuẩn bị nội dung để thực hiện nhiệm vụ:

Nhóm 1, 2: *Khai thác thông tin và đọc tư liệu 3, lập sơ đồ tư duy về quá trình chuẩn bị chính trị, tư tưởng cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam của Nguyễn Ái Quốc.*

Nhóm 3, 4: *Khai thác thông tin, lập sơ đồ tư duy về quá trình chuẩn bị về tổ chức cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam của Nguyễn Ái Quốc.*

* + Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS hoạt động theo nhóm bằng cách như sau:

* Mỗi HS sẽ dành thời gian làm việc cá nhân dựa vào nội dung trong SGK, phác thảo một số nội dung cần trình bày.
* Sau đó, từng nhóm HS sẽ thảo luận, thống nhất những nội dung để đưa vào sơ đồ tư duy.
  + Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi đại diện nhóm HS trình bày kết quả làm việc trước lớp. Các nhóm HS khác nhận xét, đặt câu hỏi, bổ sung (nếu có).

* + Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức
* Về chính trị, tư tưởng:

+ Nguyễn Ái Quốc tích cực tố cáo bản chất áp bức, bóc lột, nô dịch của chủ nghĩa thực dân với nhân dân các nước thuộc địa và kêu gọi, thức tỉnh nhân dân đấu tranh.

+ Từ giữa năm 1921, tại Pháp, cùng một số nhà cách mạng của các nước thuộc địa khác, Nguyễn Ái Quốc tham gia thành lập Hội liên hiệp thuộc địa, sau đó sáng lập tờ báo *Le Pa-ri-a* (*Người cùng khổ*). Người viết nhiều bài trên các báo*: Nhân đạo, Đời sống công nhân,* Tạp chí *Cộng sản*, Tập san *Thư tín quốc tế*,...

+ Nguyễn Ái Quốc đưa ra những luận điểm quan trọng về cách mạng giải phóng dân tộc: Giải phóng dân tộc phải gắn với giải phóng giai cấp, cả hai cuộc giải phóng này chỉ có thể là sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản; Cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa với cách mạng vô sản ở chính quốc có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, cách mạng giải phóng dân tộc ở nước thuộc địa có thể thành công trước cách mạng vô sản ở chính quốc; Khẳng định vai trò của chính đảng vô sản trong thắng lợi của cách mạng.

* Về tổ chức: Tháng 6 – 1925, Nguyễn Ái Quốc thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên tại Quảng Châu (Trung Quốc) nhằm đào tạo những người yêu nước thành cán bộ truyền bá chủ nghĩa Mác – Lê-nin, lí luận cách mạng giải phóng dân tộc của Nguyễn Ái Quốc vào phong trào yêu nước, phong trào công nhân. Hội tổ chức các lớp huấn luyện chính trị do Nguyễn Ái Quốc trực tiếp phụ trách. Hoạt động của Hội có ảnh hưởng và thúc đẩy mạnh mẽ sự chuyển biến của phong trào công nhân, phong trào yêu nước Việt Nam, dẫn đến sự ra đời của ba tổ chức cộng sản trong năm 1929.

##### Nhiệm vụ 2. Tìm hiểu về vai trò của Nguyễn Ái Quốc đối với Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và ý nghĩa sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam

* + Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức cho HS hoạt động cặp đôi, thảo luận theo phương pháp 5W1H để thực hiện nhiệm vụ: *Nêu vai trò của Nguyễn Ái Quốc đối với Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và ý nghĩa sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.*

HS sẽ lần lượt trả lời 5 câu hỏi:

+ Who (Ai): *Ai tham dự Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam?*

+ When (Khi nào): *Hội nghị thành lập Đảng diễn ra khi nào?*

+ Why (Tại sao): *Tại sao Nguyễn Ái Quốc lại triệu tập Hội nghị hợp nhất các tổ chức Cộng sản?*

+ Where: *Hội nghị thành lập Đảng diễn ra ở đâu?*

+ What: *Hội nghị thành lập Đảng có những nội dung gì?*

+ How: *Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời có ý nghĩa như thế nào?*

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS hoạt động cặp đôi bằng cách như sau:

* Mỗi HS sẽ dành thời gian đọc thông tin trong SGK, phác thảo một số nội dung liên quan đến câu hỏi.
* Sau đó, cặp đôi thảo luận, thống nhất câu trả lời dựa trên các nội dung cụ thể đã tìm hiểu.
* Bước 3: Báo cáo, thảo luận
* GV gọi 2-3 cặp đôi trình bày kết quả thảo luận trước lớp. HS khác nhận xét, đặt câu hỏi, bổ sung (nếu có).
* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

+ Who: Nguyễn Ái Quốc và đại biểu của hai tổ chức Cộng sản là Đông Dương Cộng sản đảng và An Nam Cộng sản đảng.

+ When: Hội nghị bắt đầu ngày 6 – 1 – 1930. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng quyết định lấy ngày 3 tháng 2 dương lịch làm ngày kỉ niệm thành lập Đảng.

+ Why: Trong năm 1929, ba tổ chức cộng sản lần lượt ra đời ở Việt Nam. Sự ra đời ba tổ chức cộng sản trên cả nước đã khẳng định bước phát triển về chất của phong trào yêu nước Việt Nam theo khuynh hướng cách mạng vô sản, phù hợp với xu thế và nhu cầu bức thiết của lịch sử Việt Nam. Tuy nhiên, sự ra đời ba tổ chức cộng sản ở ba miền đều tuyên bố ủng hộ Quốc tế Cộng sản, kêu gọi Quốc tế Cộng sản thừa nhận tổ chức của mình và đều tự nhận là đảng cách mạng chân chính, không tránh khỏi phân tán về lực lượng và thiếu thống nhất về tổ chức trên cả nước. Trước nhu cầu cấp bách của phong trào cách mạng trong nước, với tư cách là phái viên của Quốc tế Cộng sản, ngày 23 – 12 – 1929, Nguyễn Ái Quốc đến Hồng Công (Trung Quốc) triệu tập đại biểu của Đông Dương Cộng sản Đảng và An Nam Cộng sản Đảng đến họp tiến hành Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản thành một chính đảng duy nhất của Việt Nam.

+ Where: Hội nghị diễn ra ở Cửu Long (Hồng Công – Trung Quốc).

+ What: Hội nghị thảo luận năm vấn đề lớn: Bỏ mọi thành kiến xung đột cũ, thành thật hợp tác để thống nhất các nhóm cộng sản Đông Dương; Định tên Đảng là Đảng Cộng sản Việt Nam; Thảo Chính cương và Điều lệ sơ lược của Đảng; Định kế hoạch thực hiện việc thống nhất trong nước; Cử một Ban Chấp hành Trung ương lâm thời.

+ How: Ý nghĩa thành lập Đảng: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là kết quả của quá trình phát triển của cách mạng Việt Nam; là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác – Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đã chấm dứt sự khủng hoảng bế tắc về đường lối cứu nước, đưa cách mạng Việt Nam sang một bước ngoặt lịch sử vĩ đại: cách mạng Việt Nam được đặt dưới sự lãnh đạo thống nhất của Đảng, cách mạng Việt Nam trở thành một bộ phận

khăng khít của cách mạng vô sản thế giới. Đảng Cộng sản Việt Nam là nhân tố hàng đầu quyết định đưa cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

* + Bước 5. Mở rộng

GV có thể đặt thêm một số câu hỏi để mở rộng và giải thích cho HS:

* *Nguyễn Ái Quốc có quan điểm nào mới về mối quan hệ giữa cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa và cách mạng vô sản ở chính quốc?* (Nguyễn Ái Quốc thấm nhuần tư tưởng của chủ nghĩa Mác – Lê-nin cho rằng: giữa cách mạng giải phóng thuộc địa với cách mạng vô sản ở chính quốc có mối quan hệ chặt chẽ, gắn bó. Tuy nhiên, vào những năm 20 của thế kỉ XX, đặc biệt sau khi Lê-nin mất, một số nhà lãnh đạo cộng sản ở chính quốc cho rằng cách mạng chính quốc thắng thì cách mạng thuộc địa mới thắng. Trái lại, Nguyễn Ái Quốc ví chủ nghĩa đế quốc là một con đỉa hai vòi, vòi này nó hút máu nhân dân thuộc địa, vòi kia hút máu giai cấp vô sản và nhân dân lao động chính quốc. Vì vậy, cần phối hợp chặt chẽ cách mạng ở chính quốc và thuộc địa để cắt cả hai vòi của con đỉa ấy. Nguyễn Ái Quốc ví chủ nghĩa tư bản như một con rắn độc, trong đó nọc độc và sức sống của nó tập trung ở các thuộc địa nhiều hơn là ở chính quốc. Người cho rằng những người coi nhẹ cách mạng thuộc địa, đề cao cách mạng chính quốc là những người “muốn đánh chết rắn đằng đuôi”).
* *Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên có vai trò như thế nào đối với phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam? (*Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên là tổ chức được thành lập nhằm đào tạo đội ngũ cán bộ cách mạng; góp phần truyền bá lí luận giải phóng dân tộc, thúc đẩy phong trào yêu nước phát triển theo khuynh hướng vô sản; là bước chuẩn bị về tổ chức cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam).

#### Hoạt động 3: Tìm hiểu về vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong chuẩn bị và lãnh đạo Cách mạng tháng Tám năm 1945

* 1. *Mục tiêu*
* Nêu được ý nghĩa của việc thành lập Mặt trận Việt Minh và vai trò của Hồ Chí Minh.
* Nêu được vai trò của Hồ Chí Minh đối với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 và lập ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.
  1. *Tổ chức thực hiện*
  + Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ
* GV có thể chia lớp thành 5 nhóm và sử dụng kĩ thuật mảnh ghép:

+ Vòng 1: mỗi nhóm thực hiện một nhiệm vụ:

Nhóm 1: *Tìm hiểu vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong triệu tập và chủ trì Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (5 – 1941).*

Nhóm 2: *Tìm hiểu vai trò của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh trong chuẩn bị lực lượng chính trị cho cách mạng.*

Nhóm 3: *Tìm hiểu vai trò của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh trong chuẩn bị lực lượng vũ trang cho cách mạng.*

Nhóm 4: *Tìm hiểu vai trò của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh trong chuẩn bị căn cứ địa cho cách mạng.*

Nhóm 5: *Tìm hiểu vai trò của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh trong trực tiếp lãnh đạo Cách mạng tháng Tám và thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.*

+ Vòng 2: Hình thành nhóm mới từ 3 – 6 người (1 – 2 người từ nhóm 1, 1 – 2 người từ nhóm 2, 1 – 2 người từ nhóm 3,…). Các câu trả lời và thông tin của vòng 1 được các thành viên trong nhóm mới chia sẻ đầy đủ với nhau. Khi mọi thành viên trong nhóm mới đều hiểu được tất cả nội dung ở vòng 1 thì nhiệm vụ mới sẽ được giao cho các nhóm để giải quyết.

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS hoạt động theo nhóm bằng cách như sau:

* Mỗi HS sẽ dành thời gian làm việc cá nhân dựa vào nội dung trong SGK, tìm hiểu về vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong chuẩn bị và lãnh đạo Cách mạng tháng Tám năm 1945. – Sau đó, các nhóm HS sẽ cùng nhau thảo luận các vai trò cụ thể của Nguyễn Ái Quốc

dựa trên các nội dung cụ thể đã tìm hiểu.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi các nhóm HS trình bày kết quả thảo luận trước lớp. Các nhóm HS khác nhận xét, đặt câu hỏi, bổ sung (nếu có).

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét hoạt động và kết quả làm việc của các nhóm, chốt lại kiến thức: Vai trò của Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh đối với Cách mạng tháng Tám năm 1945.

* Triệu tập và chủ trì Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (5 – 1941):

+ Ngày 28 – 1 – 1941, Nguyễn Ái Quốc về nước, trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Từ ngày 10 đến ngày 19 – 5 – 1941, Nguyễn Ái Quốc triệu tập Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương.

+ Dưới sự chủ trì của Nguyễn Ái Quốc, Hội nghị xác định cách mạng Việt Nam hiện tại là cuộc cách mạng giải phóng dân tộc. Hội nghị chủ trương thành lập Mặt trận Việt Nam Độc lập Đồng minh (gọi tắt là Mặt trận Việt Minh) và giúp đỡ nhân dân Lào, Cam- pu-chia thành lập mặt trận riêng. Hội nghị nhấn mạnh chuẩn bị khởi nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của toàn Đảng, toàn dân và xác định tiến trình cách mạng Việt Nam là đi từ khởi nghĩa từng phần tiến lên tổng khởi nghĩa.

* Chỉ đạo công tác chuẩn bị về lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang và căn cứ địa cho Cách mạng tháng Tám năm 1945: thành lập Mặt trận Việt Minh, ra Chỉ thị thành lập Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân, thành lập Khu Giải phóng Việt Bắc,…
* Trực tiếp lãnh đạo Cách mạng tháng Tám và thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

#### Hoạt động 4: Lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954) và kháng chiến chống Mỹ từ năm 1954 đến năm 1969

* 1. *Mục tiêu*

Nêu được vai trò của Hồ Chí Minh trong lãnh đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954) và chống Mỹ (1954 –1969).

* 1. *Tổ chức thực hiện*

##### Mục a. Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954)

* + - Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ
* GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm để thực hiện nhiệm vụ: *Nêu vai trò của Hồ Chí Minh trong lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954).*
  + - Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS hoạt động theo nhóm bằng cách như sau:

* Mỗi HS sẽ dành thời gian làm việc cá nhân dựa vào nội dung trong SGK, viết một số nội dung về vai trò của Hồ Chí Minh trong lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954) ra giấy.
* Sau đó, các nhóm HS sẽ cùng nhau thảo luận thống nhất về các vai trò của Hồ Chí Minh trong lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954).
  + - Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi các nhóm HS trình bày kết quả thảo luận trước lớp. Các nhóm HS khác nhận xét, đặt câu hỏi, bổ sung (nếu có).

* + - Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét phần làm việc của các nhóm, chuẩn kiến thức cho HS về vai trò của Hồ Chí Minh trong lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954):

* Lãnh đạo kháng chiến trong những năm 1945 – 1946:

+ Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Chính phủ đã đề ra và trực tiếp thực hiện nhiều chính sách, biện pháp trên các lĩnh vực để giải quyết nạn đói, nạn dốt và khó khăn về tài chính.

+ Mặc dù *Hiệp định Sơ bộ* được kí kết nhưng thực dân Pháp bội ước, vẫn ra sức phá hoại hiệp định. Để cứu vãn tình hình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chủ động gặp đại diện Chính phủ Pháp và kí bản *Tạm ước* (14 – 9 – 1946) nhằm tiếp tục kéo dài thời gian hoà bình, tạo điều kiện chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài.

+ Đối với cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở Nam Bộ, Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi nhân dân cả nước ủng hộ, đồng thời chỉ đạo công cuộc chuẩn bị lực lượng kháng chiến.

+ Khi mọi nhân nhượng của Việt Nam đã đến giới hạn cuối cùng, tối ngày 19 – 12 – 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Trung ương Đảng và Chính phủ ra *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến.*

* Lãnh đạo cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1946 – 1954)

+ Hoạch định đường lối, phương châm kháng chiến: toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế.

+ Chủ trì Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương (2 – 1951) – Đại hội kháng chiến thắng lợi.

+ Chỉ đạo các chiến dịch quân sự trong kháng chiến chống thực dân Pháp.

+ Mở rộng các hoạt động ngoại giao (với nhân dân Pháp tiến bộ, các nước xã hội chủ nghĩa và các nước Đông Dương).

##### Mục b. Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Mỹ từ năm 1954 đến năm 1969

* + - Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ
* GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm, khai thác thông tin trong SGK để thực hiện yêu cầu: *Hãy nêu vai trò của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Mỹ từ năm 1954 đến năm 1969.*
* Để HS thảo luận nhóm có hiệu quả, GV có thể đặt ra một số câu hỏi:

+ *Chủ tịch Hồ Chí Minh có vai trò như thế nào trong xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc?*

+ *Chủ tịch Hồ Chí Minh có vai trò như thế nào trong huy động sự giúp đỡ từ các nước xã hội chủ nghĩa Liên Xô và Trung Quốc trong cuộc kháng chiến chống Mỹ?*

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS hoạt động theo nhóm bằng cách như sau:

* Mỗi HS sẽ dành thời gian làm việc cá nhân dựa vào nội dung trong SGK, viết một số nội dung về vai trò của Hồ Chí Minh trong lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Mỹ (1954
* 1969) ra giấy.
  + Sau đó, các nhóm HS sẽ cùng nhau thảo luận thống nhất về các vai trò của Hồ Chí Minh trong lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Mỹ (1954 – 1969).
* Bước 3: Báo cáo, thảo luận
  + GV gọi các nhóm HS trình bày kết quả thảo luận trước lớp. Các nhóm HS khác nhận xét, đặt câu hỏi, bổ sung (nếu có).
* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức
  + GV nhận xét phần làm việc của các nhóm, chuẩn kiến thức cho HS: Vai trò của Hồ Chí Minh trong lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Mỹ từ năm 1954 đến năm 1969:

+ Lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc: Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trì và chỉ đạo xây dựng Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng Lao động Việt Nam (9 – 1960). Người nêu rõ: Đại hội này là đại hội xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà.

+ Chỉ đạo sự nghiệp đấu tranh giải phóng miền Nam, xác định đường lối và quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược:

* Giữa lúc cách mạng miền Nam gặp nhiều khó khăn, Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trì Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam, xác định phương hướng cơ bản cho cách mạng miền Nam.
* Trong những năm 1965 – 1968, đế quốc Mỹ đem quân viễn chinh và quân đồng minh trực tiếp tham chiến ở miền Nam và gây chiến tranh phá hoại miền Bắc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cùng Trung ương Đảng phân tích tình hình, dự báo và thể hiện quyết tâm đánh thắng quân Mỹ xâm lược.

+ Là biểu tượng đoàn kết và có vai trò to lớn trong đấu tranh ngoại giao: Chủ tịch Hồ Chí Minh đại diện cho tiếng nói của nhân dân Việt Nam vạch trần tội ác chiến tranh của đế quốc Mỹ. Trong bối cảnh mâu thuẫn giữa Liên Xô và Trung Quốc, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nỗ lực dùng giải pháp ngoại giao, tranh thủ sự giúp đỡ của nước bạn, đóng góp vào việc khôi phục và tăng cường sự đoàn kết giữa các nước xã hội chủ nghĩa, đồng thời giữ vững đường lối độc lập, tự chủ của cách mạng Việt Nam.

+ Những thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược đã đưa tên tuổi của Chủ tịch Hồ Chí Minh đi vào lịch sử, trở thành biểu tượng cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở Việt Nam nói riêng, của các dân tộc thuộc địa trong thế kỉ XX nói chung.

### HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

* 1. *Mục tiêu*

Nhiệm vụ này giúp HS có kĩ năng xâu chuỗi, khái quát hoá các sự kiện để nhận thức đúng và đầy đủ vai trò của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam, góp phần phát triển năng lực tìm hiểu lịch sử và nhận thức lịch sử.

* 1. *Tổ chức thực hiện*
  + Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

– GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm hoặc cá nhân, làm việc trên lớp hoặc ở nhà để thực hiện nhiệm vụ: *Lập bảng hệ thống hoặc sơ đồ tư duy về vai trò của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử.*

* + Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS khái quát lại các sự kiện về vai trò của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử và lập sơ đồ tư duy theo ý tưởng của mình.

* + Bước 3: Báo cáo kết quả

GV tổ chức cho HS tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau theo bảng đánh giá dưới đây: TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM SƠ ĐỒ TƯ DUY CỦA HỌC SINH

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tiêu chí** | | **Điểm** |
| 1 | Nội dung | – Nội dung thông tin đầy đủ, chính xác. | 3 |
| – Bố cục mạch lạc, lô gíc. | 2 |
| 2 | Hình thức | – Trình bày sản phẩm sạch sẽ, dễ nhìn. | 3 |
| – Có sử dụng màu sắc, hình ảnh để minh hoạ cho thông tin. | 2 |

– Bước 4: Nhận xét, chốt kiến thức GV nhận xét, chuẩn kiến thức cho HS.

*Gợi ý:* Bảng hệ thống hoặc sơ đồ tư duy cần thể hiện nét chính về vai trò của Chủ tịch Hồ Chí Minh như sau:

1. Tìm ra con đường cứu nước đúng đắn, chuẩn bị và sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam;
2. Chuẩn bị và lãnh đạo Cách mạng tháng Tám năm 1945;
3. Lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954) và chống Mỹ từ năm 1954 đến năm 1969.

### HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

**Câu 1.** *Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đúc kết, khái quát và khẳng định chân lí lịch sử “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”. Sưu tầm tư liệu từ sách, báo và internet, hãy viết một bài luận ngắn trình bày suy nghĩ về tư tưởng “Không có gì quý hơn độc lập, tự do” trong thời đại ngày nay.*

* 1. *Mục tiêu*

Nhiệm vụ này giúp HS tự sưu tầm và sử dụng tư liệu để chứng minh cho một tư tưởng, về sau trở thành “chân lí của thời đại”; góp phần phát triển năng lực tìm hiểu lịch sử, vận dụng kiến thức và kĩ năng đã học để lí giải một vấn đề của thực tiễn.

* 1. *Tổ chức thực hiện*
     + Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ
* GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân để thực hiện yêu cầu: *Sưu tầm tư liệu từ sách, báo và internet, hãy viết một bài luận ngắn trình bày suy nghĩ về tư tưởng “Không có gì quý hơn độc lập, tự do” trong thời đại ngày nay.*
  + - Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

GV cho HS sưu tầm tư liệu từ sách, báo và internet và thực hiện ở nhà.

* + - Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi 2 – 3 HS trình bày việc thực hiện nhiệm vụ ở nhà. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có). GV tổ chức cho HS tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau.

* + - Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV đánh giá việc hoàn thành nhiệm vụ của HS và các sản phẩm của HS.

*Gợi ý:*

* Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định chân lí của thời đại: “Không có gì quý hơn độc lập, tự do” ở thời khắc cực kì quan trọng, mang tính bước ngoặt của cách mạng Việt Nam: đế quốc Mỹ triển khai chiến lược “Chiến tranh cục bộ”: leo thang chiến tranh ở miền Nam và mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc. Ngày 17 – 7– 1966, Đài Tiếng nói Việt Nam, Báo *Nhân dâ*n, số 4484, truyền đi *Lời kêu gọi chống Mỹ cứu nước* của Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi đến đồng bào, chiến sĩ cả nước; trong lời kêu gọi lịch sử ấy, có câu nói nổi tiếng bất hủ và đã trở thành chân lí của mọi thời đại: “Không có gì quý hơn độc lập tự do”. Lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh có ý nghĩa như một cuộc vận động lớn để toàn Đảng, toàn quân, toàn dân tộc thống nhất ý chí, thống nhất niềm tin, củng cố ý chí quyết tâm chống Mỹ, cứu nước. “Không có gì quý hơn độc lập, tự do” chính là một động lực tinh thần to lớn để nhân dân ta vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, hi sinh, đánh thắng các đế quốc, giành độc lập dân tộc, thống nhất đất nước.
* Ngày nay, “Không có gì quý hơn độc lập, tự do” vẫn là một động lực để nhân dân Việt Nam tiến hành công cuộc bảo vệ đất nước cũng như xây dựng chủ nghĩa xã hội, xây dựng đất nước phồn vinh,...

**Câu 2.** *Phát biểu ý kiến của em về nhận định: “Dân tộc ta, nhân dân ta, non sông đất nước ta, đã sinh ra Hồ Chủ tịch, Người anh hùng dân tộc vĩ đại và chính Người đã làm rạng rỡ dân tộc ta, nhân dân ta và non sông đất nước ta.” (Điếu văn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đọc trong Lễ truy điệu Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngày 9 – 9 – 1969).*

* 1. *Mục tiêu*

Nhiệm vụ này giúp HS phát triển năng lực vận dụng kiến thức và kĩ năng đã học để giải quyết một bài tập nhận thức mới.

* 1. *Tổ chức thực hiện*
* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ
* GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân ở nhà để thực hiện nhiệm vụ: *Phát biểu ý kiến của em về nhận định: “Dân tộc ta, nhân dân ta, non sông đất nước ta, đã sinh ra Hồ Chủ tịch, Người anh hùng dân tộc vĩ đại và chính Người đã làm rạng rỡ dân tộc ta, nhân dân ta và non sông đất nước ta.” (Điếu văn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đọc trong Lễ truy điệu Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngày 9 – 9 – 1969).*
* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS dựa vào kiến thức đã học, sưu tầm tư liệu từ sách, báo và internet để thực hiện nhiệm vụ.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận
* GV gọi 2 – 3 HS trình bày việc thực hiện nhiệm vụ ở nhà, các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).
* GV tổ chức cho HS tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau.
* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV đánh giá việc hoàn thành nhiệm vụ của HS và các sản phẩm của HS.

*Gợi* ý: HS sử dụng thông tin trong SGK, tư liệu sưu tầm được để làm rõ:

+ Tác động của quê hương, gia đình đến tính cách và phẩm chất Chủ tịch Hồ Chí Minh,...

+ Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dành cả cuộc đời để thực hiện sứ mệnh giải phóng dân tộc, giải phóng nhân dân,...

Bảng kiểm tự đánh giá bài viết bày tỏ ý kiến về các nhận định trong câu 1 và câu 2 hoạt động Vận dụng.

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM CỦA HỌC SINH

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Tiêu chí đánh giá** | **Đánh giá (*Có* hoặc *Không*)** |
| 1 | Em đã xác định được vấn đề mà em cần bày tỏ ý kiến, quan điểm. |  |
| 2 | Em đã đưa ra được ít nhất 3 luận điểm thể hiện quan điểm, ý kiến cá nhân về các nhận định đó. |  |
| 3 | Những ý kiến bày tỏ của em thể hiện rõ tính đảng và tính khoa học, phù hợp với quan điểm của Đảng và Nhà nước. |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 4 | Đoạn văn em viết có cấu trúc rõ ràng gồm mở đầu, nội dung chính và đưa ra nhận xét cuối cùng. |  |
| 5 | Các câu văn của em có đầy đủ chủ ngữ, vị ngữ. |  |
| 6 | Đoạn văn em đã sử dụng các từ nối để liên kết các thành phần của câu và đoạn văn. |  |
| 7 | Em mắc ít hơn 2 lỗi ngữ pháp và chính tả trong đoạn văn. |  |

**BÀI 17. DẤU ẤN HỒ CHÍ MINH TRONG LÒNG NHÂN DÂN THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM**

**Thời gian thực hiện: 02 tiết**

**Tuần 32, 33 – Tiết 50, 51**

## MỤC TIÊU

#### Về kiến thức

* + - Nêu được nguyên nhân nhân dân thế giới đánh giá cao những cống hiến và giá trị tư tưởng, văn hoá của Chủ tịch Hồ Chí Minh.
    - Nêu được nguyên nhân Hồ Chí Minh “sống mãi” trong lòng dân tộc Việt Nam.

#### Về năng lực

* + - Năng lực chung:

+ Năng lực tự chủ và tự học: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập; tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.

+ Năng lực giao tiếp và hợp tác: hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập.

+ Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết chúng.

* + - Năng lực đặc thù:

+ Năng lực tìm hiểu lịch sử: biết cách khai thác, sưu tầm, sử dụng tư liệu để tìm hiểu nguyên nhân nhân dân thế giới và Việt Nam đánh giá cao những cống hiến và giá trị tư tưởng, văn hoá của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

+ Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: nêu được nguyên nhân nhân dân thế giới đánh giá cao những cống hiến và giá trị tư tưởng, văn hoá của Chủ tịch Hồ Chí Minh; nêu được nguyên nhân Chủ tịch Hồ Chí Minh “sống mãi” trong lòng dân tộc Việt Nam.

#### Về phẩm chất

* + - Bồi dưỡng ý thức trân trọng những cống hiến và giá trị tư tưởng, văn hoá của Chủ tịch Hồ Chí Minh
    - Tích cực tham gia phong trào học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh.

## THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

#### Giáo viên

* + - Các hình ảnh, tư liệu về Hồ Chí Minh (có thể phóng to qua máy chiếu).
    - Một số đoạn video, đoạn phim tài liệu, bài hát,… tôn vinh Chủ tịch Hồ Chí Minh của Việt Nam và thế giới.
    - Máy tính, máy chiếu,… (nếu có).

#### Học sinh

* + - SGK, SBT *Lịch sử 12* – Bộ *Kết nối tri thức với cuộc sống.*
    - Tư liệu liên quan đến bài học theo yêu cầu của GV.

## TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

### HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG, MỞ ĐẦU BÀI HỌC

* 1. *Mục tiêu*

Thông qua hoạt động mở đầu, HS có hứng thú và mong muốn tìm hiểu, khám phá về dấu ấn của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong lòng nhân dân thế giới và nhân dân Việt Nam.

* 1. *Tổ chức thực hiện*
* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức cho HS hoạt động cá nhân, đọc thông tin trong phần Mở đầu và quan sát hình 1 để trả lời câu hỏi: *Hình 1 gợi cho em biết điều gì?*

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS dựa vào đoạn thông tin và hiểu biết của mình về Chủ tịch Hồ Chí Minh để trả lời câu hỏi.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi 2 – 3 HS trả lời câu hỏi. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có)

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

Trên cơ sở tổng hợp ý kiến phát biểu của HS, GV chọn ý để dẫn dắt vào bài học mới và nêu các câu hỏi định hướng: Vì sao thế giới đánh giá cao những cống hiến và giá trị tư tưởng, văn hoá của Chủ tịch Hồ Chí Minh? Vì sao Chủ tịch Hồ Chí Minh “sống mãi” trong lòng dân tộc Việt Nam?

### HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

#### Hoạt động 1: Tìm hiểu về dấu ấn của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong lòng nhân dân thế giới

* 1. *Mục tiêu*

Nêu được nguyên nhân nhân dân thế giới đánh giá cao những cống hiến và giá trị tư tưởng, văn hoá của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

* 1. *Tổ chức thực hiện*
* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân, khai thác thông tin, hình ảnh và Tư liệu 1 trong mục để trả lời câu hỏi: *Vì sao UNESCO và nhân dân thế giới đánh giá cao những cống hiến và giá trị tư tưởng, văn hoá của Chủ tịch Hồ Chí Minh?*

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
* HS làm việc cá nhân, tìm ra những cụm từ trong Tư liệu 1 thể hiện những cống hiến, đóng góp của Chủ tịch Hồ Chí Minh được UNESCO ghi nhận.
* Sau đó, cho HS làm việc cặp đôi, thảo luận về những dấu ấn của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong lòng nhân dân thế giới.
* Bước 3: Báo cáo, thảo luận
* GV gọi 1 – 2 HS để trả lời câu hỏi về những đóng góp của Chủ tịch Hồ Chí Minh được UNESCO ghi nhận. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).
* GV gọi đại diện 1 – 2 cặp đôi trả lời câu hỏi về dấu ấn của Hồ Chí Minh trong lòng nhân dân thế giới. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).
* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét phần trả lời của HS, chốt kiến thức cho HS về những dấu ấn của Hồ Chí Minh trong lòng nhân dân thế giới:

* Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá của Liên hợp quốc (UNESCO) trong khoá họp lần thứ 24 tại Pa-ri (1987) đã thông qua Nghị quyết 24C/18.6.5 về Kỉ niệm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Nghị quyết ghi nhận năm 1990 sẽ đánh dấu 100 năm Kỉ niệm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh.
* Thế giới tôn vinh Chủ tịch Hồ Chí Minh vì Người là một biểu tượng xuất sắc về sự tự khẳng định dân tộc, đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam, góp phần vào cuộc đấu tranh chung của các dân tộc vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.
* Hiện nay, tượng và tượng đài tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có mặt tại nhiều quốc gia trên thế giới như: Lào, Phi-líp-pin, Thái Lan, Xin-ga-po, Ấn Độ, Mông Cổ (châu Á); Pháp, Nga, Hung-ga-ri (châu Âu); Chi-lê, Ác-hen-ti-na, Cu-ba, Mê-hi-cô, Pa-na-ma (châu Mỹ);… Tên của Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đã được đặt cho nhiều quảng trường, trường học và đường phố,... tại nhiều quốc gia trên thế giới, từ châu Á, châu Âu đến châu Phi, châu Mỹ.
* Tại một số quốc gia, nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh từng đến và hoạt động đều có những di tích tưởng niệm như: Khách sạn Ca-tơn (Anh) – nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh làm việc và hoạt động cuối năm 1913; Nhà số 9, Thủ đô Pa-ri (Pháp) – nơi Người ở và hoạt động cách mạng những năm 1921 – 1923; Nhà số 248 và 250 (trước là nhà số 13 và 13/1) đường Văn Minh, thành phố Quảng Châu (Trung Quốc) – nơi Hồ Chí Minh mở các lớp đào tạo cán bộ (1925 – 1927); Khu di tích Hồ Chí Minh tại Liễu Châu, Quảng Tây (Trung Quốc),…
* Bước 5: Mở rộng

GV nhấn mạnh: Nhân dân thế giới tôn vinh, tưởng niệm Hồ Chí Minh thông qua việc xây dựng quảng trường, tượng đài, lập các di tích,... Tên của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã được đặt cho nhiều quảng trường, trường học và đường phố tại nhiều quốc gia trên thế giới, từ các nước phát triển ở châu Âu, nhiều nước châu Mỹ, đến châu Phi xa xôi,… Điều đó không chỉ thể hiện dấu ấn của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong lòng nhân dân thế giới mà còn chứng tỏ mối quan hệ hữu nghị tốt đẹp giữa Việt Nam với các quốc gia trên thế giới.

#### Hoạt động 2: Tìm hiểu vì sao Chủ tịch Hồ Chí Minh “sống mãi” trong lòng nhân dân Việt Nam

* 1. *Mục tiêu*

Nêu được nguyên nhân Hồ Chí Minh “sống mãi” trong lòng dân tộc Việt Nam.

* 1. *Tổ chức thực hiện*
* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức cho HS làm việc nhóm và thực hiện nhiệm vụ:

* *Lập sơ đồ tư duy (theo ý tưởng của riêng mình) thể hiện những dấu ấn của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong lòng nhân dân Việt Nam.*
* *Thảo luận để trả lời câu hỏi: Vì sao Chủ tịch Hồ Chí Minh “sống mãi” trong lòng nhân dân Việt Nam?*
* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS hoạt động theo hoạt động theo nhóm bằng cách như sau:

* Thảo luận và thống nhất những nội dung sẽ trình bày trên sơ đồ tư duy.
* Vẽ và hoàn thiện sơ đồ tư duy.
* Thảo luận trả lời câu hỏi: Vì sao Chủ tịch Hồ Chí Minh “sống mãi” trong lòng nhân dân Việt Nam.
* Bước 3: Báo cáo, thảo luận
* GV gọi đại diện 1 – 2 HS lên bảng trình bày và thuyết trình sơ đồ tư duy của mình.

Các nhóm HS khác nhận xét, đặt câu hỏi, bổ sung (nếu có).

* GV gọi 2 – 3 HS trong các nhóm bất kì trả lời câu hỏi: *Vì sao Chủ tịch Hồ Chí Minh “sống mãi” trong lòng nhân dân Việt Nam?*
* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức

GV nhận xét phần làm việc và câu trả lời của HS và chốt kiến thức:

* Lưu ý, sơ đồ tư duy có thể được thể hiện đa dạng nhưng cần đảm bảo các nội dung cơ bản sau đây:

+ Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh và Bảo tàng Hồ Chí Minh được xây dựng ở Thủ đô Hà Nội.

+ Hệ thống bảo tàng và di tích lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh với 14 chi nhánh trong cả nước.

+ Đền thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh được nhân dân lập ra ở nhiều địa phương trong cả nước.

+ Tuyến đường chi viện chiến lược trên biển được mang tên Chủ tịch Hồ Chí Minh.

+ Quốc hội khoá VI đã quyết định đổi tên thành phố Sài Gòn là Thành phố Hồ Chí Minh (năm 1976).

+ Người là nguồn cảm hứng sáng tác, đưa đến sự ra đời của nhiều tác phẩm âm nhạc, thơ ca, kịch, nhiếp ảnh, hội hoạ,… ở trong nước và trên thế giới.

+ Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” đã và đang được lan toả đến các thế hệ cán bộ đảng viên và quần chúng nhân dân.

* Lí do nhân dân Việt Nam tôn vinh và tưởng nhớ Chủ tịch Hồ Chí Minh: Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cống hiến trọn đời cho độc lập dân tộc, tự do và hạnh phúc của nhân dân. Người là nhà cách mạng, nhà văn hoá lớn với những đóng góp trên nhiều lĩnh vực. Cuộc đời của Người cũng là tấm gương đạo đức sáng ngời với phong cách cá nhân độc đáo. Vì vậy, mỗi người Việt Nam đều yêu quý, kính trọng, biết ơn Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tư tưởng, đạo đức, phong cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trở thành tài sản tinh thần vô giá của Đảng và dân tộc ta.

### HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

“*Cuộc đời 79 mùa Xuân của Chủ tịch Hồ Chí Minh là biểu tượng cao đẹp nhất của chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam. Người là kết tinh rạng ngời của đạo đức, trí tuệ, khí phách, lương tri của dân tộc và thời đại.*”

(Diễn văn của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng tại Lễ kỉ niệm 130 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh)

Trên cơ sở nhận định trên, hãy phân tích nguyên nhân nhân dân Việt Nam và bạn bè thế giới trân trọng, tưởng nhớ Chủ tịch Hồ Chí Minh.

* 1. *Mục tiêu*

HS phân tích để làm sáng tỏ nguyên nhân khiến nhân dân Việt Nam và nhân dân thế giới trân trọng, tưởng nhớ Chủ tịch Hồ Chí Minh; góp phần phát triển năng lực nhận thức và tư duy lịch sử.

* 1. *Tổ chức thực hiện*
* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV chia lớp thành 4 nhóm, tổ chức cho HS làm việc nhóm tại lớp để thực hiện nhiệm vụ: *Thảo luận về nhận định và phân tích nguyên nhân nhân dân Việt Nam và bạn bè thế giới trân trọng, tưởng nhớ Chủ tịch Hồ Chí Minh.*

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS hoạt động theo nhóm thảo luận nội dung bài trình bày của mình và thống nhất các luận điểm sẽ trình bày, cử đại diện sẽ báo cáo kết quả.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV gọi đại diện 2 – 3 nhóm HS trình bày kết quả thảo luận trước lớp. Các nhóm HS khác nhận xét, đặt câu hỏi, bổ sung (nếu có)

* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức
* GV nhận xét phần trình bày của các nhóm và chuẩn kiến thức cho HS.
  + *Gợi ý*: Với yêu cầu trên, HS nêu được những ý sau: Nguyên nhân nhân dân Việt Nam và bạn bè thế giới trân trọng, tưởng nhớ Chủ tịch Hồ Chí Minh vì :

+ “Chủ tịch Hồ Chí Minh là biểu tượng cao đẹp nhất của chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam. Người là kết tinh rạng ngời của đạo đức, trí tuệ, khí phách, lương tri của dân tộc và thời đại”, biểu hiện:

+ Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cống hiến trọn đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam, góp phần vào cuộc đấu tranh chung của các dân tộc vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

+ Những tư tưởng của Người là hiện thân của những khát vọng của các dân tộc mong muốn được khẳng định bản sắc văn hoá của dân tộc mình. Chủ tịch Hồ Chí Minh là hiện thân của sự kế thừa, kết tinh, phát triển và nâng cao các giá trị văn hoá dân tộc và nhân loại.

+ Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cống hiến trọn đời cho độc lập dân tộc, tự do và hạnh phúc của nhân dân. Người là nhà cách mạng, nhà văn hoá lớn với những đóng góp trên nhiều lĩnh vực.

### HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

Sưu tầm tư liệu từ sách, báo, internet về cuộc đời, tư tưởng và đạo đức Hồ Chí Minh, hãy viết một bài luận ngắn đề xuất các giải pháp để cuộc vận động “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh” thực sự có hiệu quả.

* 1. *Mục tiêu*

HS biết vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học, biết sưu tầm thêm tư liệu từ các nguồn khác nhau về cuộc đời, tư tưởng và đạo đức Hồ Chí Minh để đề xuất các giải pháp để cuộc vận động “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh” thực sự có hiệu quả; từ đó, góp phần phát triển năng lực nhận thức, tư duy lịch sử cũng như năng lực vận dụng kiến thức vào thực tiễn cuộc sống.

* 1. *Tổ chức thực hiện*
* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân ở nhà để thực hiện nhiệm vụ: *Sưu tầm tư liệu từ sách, báo, internet về cuộc đời, tư tưởng và đạo đức Hồ Chí Minh, hãy viết một bài luận ngắn đề xuất các giải pháp để cuộc vận động “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh” thực sự có hiệu quả.*

* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS dựa vào các kiến thức đã học trong bài, sưu tầm tư liệu từ sách, báo, internet về cuộc đời, tư tưởng và đạo đức Hồ Chí Minh, viết một bài luận theo yêu cầu.

* Bước 3: Báo cáo, thảo luận
  + HS nộp lại bài luận cho GV vào thời gian quy định.
  + GV lựa chọn HS trình bày bài luận trước lớp.
* Bước 4: Kết luận, chốt kiến thức
  + GV nhận xét, đánh giá phần làm việc của HS, chuẩn kiến thức cho HS.
* *Gợi ý:* Phong cách Hồ Chí Minh là những đặc trưng giá trị về nhân cách, phương pháp, tác phong, đạo đức và lối sống của Hồ Chí Minh, gắn liền với nhân cách trí tuệ lỗi lạc, đạo đức trong sáng, lối sống bình dị của một vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc. Phong cách đó vừa mang tính dân tộc vừa mang tính hiện đại, vừa khoa học vừa cách mạng, vừa cao cả vừa thiết thực. Phong cách Hồ Chí Minh được thể hiện trong mọi lĩnh vực sống và hoạt động của Người, tạo thành một chỉnh thể thống nhất, có giá trị khoa học và nhân văn sâu sắc, trở thành biểu tượng cao đẹp để các thế hệ người Việt Nam học tập và noi theo.

Để cuộc vận động “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh” thực sự có hiệu quả thì chúng ta phải luôn quán triệt: “Một tấm gương sống còn có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền” và “Lấy gương người tốt, việc tốt để hằng ngày giáo dục lẫn nhau là một trong những cách tốt nhất”.

+ Về học tập:

Cần tiếp tục quán triệt, giáo dục nâng cao nhận thức về giá trị của tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Đồng thời xác định rõ việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh là công việc và trách nhiệm của mình.

Phát huy việc sưu tầm, kể chuyện về tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh, qua đó liên hệ đưa ra những nội dung thiết thực nhất để thảo luận, trao đổi.

Rèn luyện và tu dưỡng đạo đức hằng ngày từ những việc làm nhỏ nhất.

+ Về làm theo:

Tự xây dựng kế hoạch làm theo cụ thể, thực hiện nghiêm túc và thực chất.

Thường xuyên bồi dưỡng phong cách sinh hoạt giản dị, thanh cao của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

**Tuần 34, 35 – Tiết 51, 52**

**ÔN TẬP, KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲII**

(THEO MA TRẬN VÀ KẾ HOẠCH KIỂM TRA)